

LỜI CẢM ƠN

Sau bao nỗ lực để bước vào cổng trường Đại học, em rất vinh dự và tự hào vì ngôi trường mình đang được học là một ngôi trường có chất lượng đào tạo rất tốt, được đánh giá cao. Trong những năm học tại trường em đã được các thầy cô tận tình chỉ dạy, nhờ đó mà vốn kiến thức của em được mở rộng hơn. Và suốt quá trình học tập tại trường em đã rất cố gắng để có được kết quả như ngày hôm nay. Đối với một sinh viên năm cuối việc được làm khóa luận là rất vinh dự. Để có được vinh dự ấy không chỉ có sự nỗ lực của cá nhân em mà còn có sự giúp đỡ, chỉ bảo rất nhiều của các thầy cô đã giảng dạy cho em nhiều kiến thức. Em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến các thầy cô trong khoa Văn hóa du lịch trường Đại học Dân lập Hải Phòng.

Đặc biệt em muốn gửi lời cảm ơn sâu sắc tới Ths. Vũ Thị Thanh Hương - người đã trực tiếp chỉ bảo và giúp đỡ em tận tình trong suốt thời gian làm khóa luận này.

Em cũng xin chân thành cảm ơn Ủy ban nhân dân xã Tân Trào, phòng văn hóa xã đã cung cấp cho em tư liệu để em hoàn thành bài khóa luận này.

Do thời gian nghiên cứu, tìm hiểu và kiến thức còn hạn chế nên bài viết khó tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự cảm thông và góp ý của các thầy cô để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 21 tháng 6 năm 2011

Sinh viên

Ngô Thị Thùy

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài
2. Mục đích nghiên cứu
3. Nhiệm vụ của đề tài
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu
5. Phương pháp nghiên cứu
6. Nội dung và bố cục của khóa luận

CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA ĐỀ TÀI

1. Khái niệm du lịch
2. Quan niệm về tài nguyên du lịch
 - 2.1. Quan niệm về tài nguyên du lịch
 - 2.2. Vai trò của tài nguyên du lịch trong phát triển du lịch
 - 2.3. Đặc điểm và phân loại tài nguyên du lịch
 - 2.3.1. Đặc điểm tài nguyên du lịch
 - 2.3.2. Phân loại tài nguyên du lịch
 - 2.4. Tài nguyên du lịch nhân văn
 - 2.4.1. Khái niệm tài nguyên du lịch nhân văn
 - 2.4.2. Đặc điểm của tài nguyên du lịch nhân văn
 - 2.4.3. Phân loại tài nguyên du lịch nhân văn
 - 2.5. Lễ hội
 - 2.5.1. Khái niệm
 - 2.5.2. Nội dung của lễ hội
 - 2.5.3. Đặc điểm của lễ hội
 - 2.5.4. Phân loại lễ hội
 - 2.5.5. Tác động qua lại giữa lễ hội và du lịch
 - 2.5.6. Ý nghĩa của lễ hội trong đời sống văn hóa của con người
 - 2.5.7. Thực trạng hoạt động lễ hội hiện nay. Lễ hội vật cầu ở Việt Nam

CHƯƠNG 2: LỄ HỘI VẬT CẦU KIM SƠN

1. Hội vật cầu ở Việt Nam
2. Khái quát về lễ hội truyền thống ở Hải Phòng
3. Lễ hội vật cầu Kim Sơn truyền thống
 - 3.1. Môi trường tự nhiên – xã hội hình thành nên lễ hội
 - 3.1.1. Điều kiện tự nhiên
 - 3.1.1.1. Vị trí địa lý, địa hình
 - 3.1.1.2. Khí hậu
 - 3.1.1.3. Chế độ thủy văn
 - 3.1.1.4. Tài nguyên đất
 - 3.1.1.5. Tài nguyên sinh vật
 - 3.1.2. Điều kiện xã hội
 - 3.1.2.1. Điều kiện kinh tế
 - 3.1.2.2. Chính trị - xã hội
 - 3.1.2.3. Dân cư
 - 3.2. Lịch sử hình thành lễ hội vật cầu Kim Sơn
 - 3.3. Nội dung lễ hội
 - 3.3.1. Lịch tổ chức lễ hội
 - 3.3.2. Chuẩn bị lễ hội
 - 3.3.3. Trình tự lễ hội
4. Lễ hội vật cầu Kim Sơn ngày nay
 - 4.1. Lịch tổ chức lễ hội
 - 4.2. Chuẩn bị lễ hội
 - 4.3. Trình tự lễ hội
5. Ý nghĩa văn hóa của lễ hội

CHƯƠNG 3: KHAI THÁC LỄ HỘI VẬT CẦU KIM SƠN PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH HUYỆN KIẾN THỤY

1. Thực trạng khai thác lễ hội vật cầu Kim Sơn

2. Đánh giá việc khai thác lễ hội vật cầu Kim Sơn phục vụ cho du lịch
 - 2.1. Tác động tích cực
 - 2.2. Tác động tiêu cực
3. Giải pháp khai thác lễ hội vật cầu Kim Sơn hiệu quả để phục vụ du lịch huyện Kiên Thụy
 - 3.1. Tu bổ, cải tạo di tích đình Kim Sơn
 - 3.2. Giải pháp tuyên truyền, quảng bá cho phát triển du lịch
 - 3.3. Đào tạo nguồn nhân lực du lịch
 - 3.4. Nâng cao ý thức của người dân về du lịch
 - 3.5. Tổ chức nhiều trò chơi hấp dẫn, lôi cuốn cho phân hội thêm phong phú
 - 3.6. Một số kiến nghị

KẾT LUẬN

TÀI LIỆU THAM KHẢO

LỜI MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Du lịch là một ngành công nghiệp không khói có đóng góp to lớn vào thu nhập kinh tế quốc dân. Hiện nay du lịch được xem là một trong số những ngành kinh tế mũi nhọn trong chiến lược phát triển kinh tế.

Việt Nam là một quốc gia có tiềm năng du lịch dồi dào, đa dạng và phong phú. Nước ta có điều kiện phát triển du lịch mạnh mẽ ở tất cả các loại hình du lịch như: Du lịch biển, du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch mạo hiểm... đặc biệt là du lịch văn hóa. Trong loại hình du lịch nhân văn, các di tích lịch sử văn hóa và lễ hội chiếm một vị trí đặc biệt quan trọng. Hầu hết các di tích văn hóa lịch sử đều gắn liền với các lễ hội, các phong tục tập quán của cộng đồng, phản ánh cuộc sống lao động của con người tại các làng quê, gắn liền với việc tái hiện lịch sử chống giặc ngoại xâm của cha ông, gắn với các danh nhân văn hóa của dân tộc. Đồng thời thông qua lễ hội còn phản ánh khát vọng trong đời sống tâm linh của con người, mang ý nghĩa giáo dục con người hướng tới cái chân - thiện - mỹ.

Kiến Thụy là một trong những huyện có bề dày truyền thống lịch sử văn hóa của thành phố Hải Phòng: Ngược dòng lịch sử về thế kỉ XVI vua Mạc Đăng Dung đã chọn mảnh đất Kiến Thụy (Kinh Dương xưa) làm nơi xây dựng kinh thành, trong lịch sử quân dân Kiến Thụy đã từng bắn rơi máy bay Mỹ. Vì thế mà hiện nay tại Kiến Thụy có rất nhiều di tích lịch sử phục vụ du lịch như: Khu tưởng niệm nhà Mạc (Ngũ Đoan), đền Mỗ ở xã Kiến Quốc... Ngoài ra Kiến Thụy còn có các lễ hội rất hay và ý nghĩa như: lễ hội Rước lợn Ông Bò tại làng Kì Sơn - Tân Trào - Kiến Thụy, lễ hội Vật cầu Kim Sơn tại làng Kim Sơn - xã Tân Trào - Kiến Thụy, chùa Văn Hòa - Kiến Thụy với lễ rước Thành Hoàng làng... Kiến Thụy là một huyện có tiềm năng du lịch nhân văn rất lớn cần khai thác triệt để.

Trong xu thế phát triển của xã hội hiện nay du lịch văn hóa tìm hiểu các lễ hội rất được ưa chuộng. Tại Kim Sơn – Kiến Thụy có lễ hội Vật cầu Kim Sơn đã có từ rất lâu nhưng do chiến tranh bị gián đoạn và trong những năm gần đây đã được

khôi phục và phát triển. Lễ hội này gắn với địa danh Kim Sơn kháng Nhật làm cho nó có sức hút với du khách thập phương tìm về với mảnh đất đã quật cường chiến đấu trong thời kì kháng Nhật, tìm hiểu về con người Kim Sơn xưa và nay có gì khác. Ngoài ra lễ hội được tổ chức rất công phu, mang nhiều ý nghĩa, phần hội vui vẻ và thú vị lôi cuốn người xem như hòa mình vào các trò chơi. Lễ hội là một hoạt động rất có ý nghĩa với đời sống của nhân dân xã Kim Sơn cũng như toàn huyện Kiến Thụy về một thời kì hào hùng chống giặc ngoại xâm. Thông qua lễ hội thể hiện tinh thần đoàn kết, chiến đấu xây dựng cuộc sống mới tốt đẹp. Việc khai thác lễ hội vật cầu Kim Sơn vào phát triển du lịch có ý nghĩa bảo tồn văn hóa truyền thống của dân tộc, góp phần phát triển kinh tế địa phương.

Lễ hội vật cầu Kim Sơn là một loại tài nguyên du lịch nhân văn có khả năng khai thác tốt nhưng hiện chưa được nhiều người biết đến. Là một người con của Kiến Thụy và là một người làm du lịch trong tương lai em muốn cho du khách thập phương biết đến lễ hội này và yêu mến nó. Vì vậy trong bài khóa luận này em sẽ giới thiệu cho mọi người biết đến lễ hội truyền thống độc đáo này để thêm yêu những lễ hội từ thời cha ông để lại và yêu mảnh đất Kiến Thụy hơn. Việc khai thác lễ hội vật cầu Kim Sơn mở ra cho Kiến Thụy một chương trình du lịch mới trong đó kết hợp được các tiềm năng du lịch vốn có của địa phương. Vì những lý do trên em đã chọn đề tài “Tìm hiểu và khai thác lễ hội Vật cầu Kim Sơn phục vụ phát triển du lịch huyện Kiến Thụy” làm đề tài khóa luận của mình.

2. Mục đích nghiên cứu

Lễ hội Vật cầu Kim Sơn rất có ý nghĩa trong đời sống tinh thần của người dân nơi đây. Hơn thế nữa nó rất mang nhiều giá trị văn hóa, lịch sử, là một tài nguyên du lịch cần được khai thác. Thông qua bài khóa luận này em muốn tìm hiểu sâu hơn về lễ hội vật cầu Kim Sơn, tìm hiểu tiến trình phát triển của nó, tìm ra nét hay nét đẹp của lễ hội để khai thác phục vụ cho việc phát triển du lịch huyện Kiến Thụy - Hải Phòng.

3. Nhiệm vụ của đề tài

Tổng kết, phân tích những lý luận phục vụ cho việc nghiên cứu đề tài

Tìm hiểu sự khác nhau của lễ hội xưa và nay.

Nêu ý nghĩa văn hóa của lễ hội.

Thực trạng khai thác lễ hội hiện nay.

Giải pháp khai thác lễ hội hiệu quả để phục vụ du lịch.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là: lễ hội Vật cầu tại Kim Sơn - Kiến Thụy - Hải Phòng.

Phạm vi nghiên cứu tìm hiểu về lễ hội vật cầu nói chung của Việt Nam, đi sâu vào khai thác lễ hội vật cầu tại Kim Sơn - Tân Trào - Kiến Thụy Hải phòng.

5. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài được nghiên cứu bằng nhiều phương pháp:

- Phương pháp thu thập và xử lý tài liệu
- Phương pháp phân tích hệ thống để phân tích, nghiên cứu đánh giá các giá trị văn hóa của lễ hội và ảnh hưởng của nó trong đời sống tinh thần của người dân địa phương.

- Phương pháp điền dã: xuống địa phương tìm hiểu và nói chuyện với những nhân vật phụ trách và người dân địa phương.

6. Nội dung và bố cục của khóa luận

Chương 1: Cơ sở lý luận của đề tài

Chương 2. Lễ hội vật cầu Kim Sơn

Chương 3. Khai thác lễ hội vật cầu Kim Sơn phục vụ phát triển du lịch huyện Kiến Thụy.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA ĐỀ TÀI

1. Khái niệm du lịch

Trong xu thế phát triển chung của thời đại, cùng nhịp sống hối hả bon chen, thêm vào đó là việc nâng cao chất lượng cuộc sống nên du lịch ngày càng trở thành một nhu cầu không thể thiếu trong đời sống văn hóa - xã hội và hoạt động du lịch đang được phát triển mạnh mẽ. Vậy du lịch bắt nguồn từ đâu?

Thuật ngữ “du lịch” trở nên rất thông dụng. Nó bắt nguồn từ tiếng Hy Lạp “Tornos” có nghĩa là đi một vòng. Sau khi người La Mã xâm chiếm Hy Lạp thì từ này được đổi thành “Tornus”. Trong quá trình phát triển của tiếng Anh và tiếng Pháp nó phát triển thành “Tourism” và “Tourisme”.

Đầu tiên du lịch được hiểu là việc đi lại của từng cá nhân hoặc một nhóm người rời khỏi chỗ ở của mình trong khoảng thời gian ngắn đến các vùng xung quanh để nghỉ ngơi giải trí hay chữa bệnh. Hoạt động du lịch ngày càng phát triển mạnh mẽ.

Khái niệm du lịch có thể được xác định như sau:

“ Du lịch là một hoạt động của dân cư trong thời gian rỗi liên quan với sự di chuyển và lưu lại tạm thời bên ngoài nơi cư trú thường xuyên nhằm nghỉ ngơi, chữa bệnh, phát triển thể chất và tinh thần, nâng cao trình độ nhận thức - văn hóa hoặc thể thao kèm theo tiêu thụ những giá trị về tự nhiên, kinh tế và văn hóa” (I.I. Pirôgionic, 1985)

Theo luật du lịch đã được Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005: “Du lịch là các hoạt động liên quan đến chuyến đi của con người ngoài nơi cư trú thường xuyên của mình nhằm đáp ứng nhu cầu tham quan, tìm hiểu, giải trí, nghỉ dưỡng trong một khoảng thời gian nhất định.”

2. Quan niệm về tài nguyên du lịch

2.1. Quan niệm về tài nguyên du lịch

Tài nguyên du lịch bao gồm các thành phần và sự kết hợp khác nhau của cảnh quan tự nhiên và nhân văn (văn hóa) có thể sử dụng cho dịch vụ du lịch và thỏa mãn nhu cầu về chữa bệnh, nghỉ ngơi, thăm quan hay du lịch.

Về thực chất, tài nguyên du lịch là các điều kiện tự nhiên, các đối tượng văn hóa - lịch sử đã bị biến đổi ở mức độ nhất định dưới ảnh hưởng của nhu cầu xã hội và khả năng sử dụng trực tiếp vào mục đích du lịch.

Từ những điều trình bày trên đây có thể xác định khái niệm tài nguyên du lịch như sau :

Tài nguyên du lịch là một tổng thể tự nhiên và nhân văn - lịch sử cùng các thành phần của chúng góp phần khôi phục và phát triển thể lực và trí tuệ của con người, khả năng lao động và sức khỏe của họ. Những tài nguyên này được sử dụng cho nhu cầu trực tiếp và gián tiếp cho việc sản xuất dịch vụ du lịch.

2.2. Vai trò của tài nguyên du lịch trong việc phát triển du lịch

Du lịch là một trong những ngành có định hướng tài nguyên rõ rệt.

Tài nguyên du lịch ảnh hưởng trực tiếp đến tổ chức lãnh thổ của ngành du lịch, đến cấu trúc và chuyên môn hóa của vùng du lịch. Quy mô hoạt động du lịch một vùng, quốc gia được xác định trên cơ sở khối lượng nguồn tài nguyên du lịch, quyết định tính mùa vụ, tính nhịp điệu của dòng khách du lịch.

Tài nguyên du lịch là một trong những yếu tố cơ sở để tạo nên vùng du lịch. Số lượng tài nguyên vốn có, chất lượng của chúng và mức độ kết hợp các loại tài nguyên trên lãnh thổ có ý nghĩa đặc biệt trong việc hình thành và phát triển du lịch của một vùng hay một quốc gia.

2.3. Đặc điểm và phân loại tài nguyên du lịch

2.3.1. Đặc điểm tài nguyên du lịch

-Tài nguyên du lịch phong phú, đa dạng, có nhiều tài nguyên đặc sắc và độc đáo, có sức hấp dẫn với du khách.

- Tài nguyên du lịch không chỉ có giá trị hữu hình mà còn có giá trị vô hình.
- Tài nguyên du lịch dễ khai thác bởi tài nguyên có sẵn trong tự nhiên do tạo hóa sinh ra hoặc do con người tạo nên do đó dễ khai thác, không tốn kém tiền vào đầu tư các tài nguyên.
- Tài nguyên du lịch có thời gian khai thác khác nhau, tạo nên tính mùa vụ trong du lịch.
- Tài nguyên du lịch được khai thác tại chỗ để tạo sản phẩm du lịch mà không di chuyển được.

Đây chính là cơ sở để đưa ra biện pháp quản lý, khai thác hiệu quả làm phát triển giá trị vốn có của tài nguyên du lịch.

2.3.2. Phân loại tài nguyên du lịch

Tài nguyên du lịch có thể chia làm 2 nhóm

- Tài nguyên du lịch tự nhiên : tài nguyên du lịch tự nhiên bao gồm các yếu tố địa chất, địa hình, địa mạo, khí hậu, thủy văn, hệ sinh thái, cảnh quan thiên nhiên có thể được sử dụng phục vụ mục đích du lịch :

- + Địa hình
- + Khí hậu
- + Nguồn nước
- + Thực, động vật
- + Tài nguyên du lịch nhân văn
- + Di tích lịch sử - văn hóa, kiến trúc
- + Các lễ hội
- + Các đối tượng du lịch gắn với dân tộc học
- + Các đối tượng văn hóa - thể thao và hoạt động nhận thức khác.

2.4. Tài nguyên du lịch nhân văn

2.4.1. Khái niệm tài nguyên du lịch nhân văn

Tài nguyên du lịch nhân văn nói ngắn gọn là các đối tượng, hiện tượng do con người tạo ra trong suốt quá trình tồn tại và có giá trị phục vụ cho nhu cầu du

lich bao gồm: Di tích lịch - sử văn hóa, lễ hội phong tục tập quán và các công trình đương đại do hội đồng và con người sáng tạo... có sức hấp dẫn du khách, có tác động giải trí, hưởng thụ mang ý nghĩa thiết thực và được đưa vào khai thác phục vụ du lịch.

2.4.2. Đặc điểm của tài nguyên du lịch nhân văn

Tài nguyên du lịch nhân văn do con người tạo ra, hay nói cách khác nó là đối tượng và hiện tượng được tạo ra một cách nhân tạo. Đây cũng là nguyên nhân khiến cho tài nguyên du lịch nhân văn có những đặc điểm khác biệt với nguồn tài nguyên du lịch tự nhiên :

- Tài nguyên du lịch nhân văn có tác dụng nhận thức nhiều hơn., tác dụng giải trí không điển hình hoặc có ý nghĩa thứ yếu.

- Việc tìm hiểu các đối tượng nhân tạo diễn ra trong thời gian rất ngắn. Nó thường kéo dài một vài giờ , cũng có thể một vài phút. Do vậy trong khuôn khổ một chuyến du lịch người ta có thể hiểu rõ nhiều đối tượng nhân tạo. Tài nguyên du lịch nhân văn thích hợp nhất đối với loại hình du lịch nhận thức theo lộ trình. Số người quan tâm tới tài nguyên du lịch nhân văn thường có văn hóa cao hơn, thu nhập và yêu cầu cao hơn.

- Tài nguyên du lịch nhân văn thường tập trung ở các điểm quần cư và các thành phố lớn.

- Ưu thế to lớn của tài nguyên du lịch nhân văn là đại bộ phận không có tính mùa vụ, không bị phụ thuộc vào các điều kiện khí tượng và các điều kiện tự nhiên khác. Vì thế tài nguyên du lịch nhân tạo làm giảm nhẹ tính mùa vụ nói chung của dòng du lịch.

- Sở thích của những người tìm đến tài nguyên du lịch nhân văn rất phức tạp và khác nhau. Nó gây nhiều khó khăn trong việc đánh giá tài nguyên du lịch nhân văn. Tiêu chuẩn đánh giá tài nguyên di lịch nhân văn chủ yếu dựa vào cơ sở định tính xúc cảm và trực cảm.

- Tài nguyên du lịch nhân văn tác động theo từng giai đoạn, có thể phân chia như sau:

+ Thông tin, ở giai đoạn này khách du lịch nhận được những tin tức chung nhất, có thể nói là mờ nhạt về đối tượng nhân tạo, thường thông qua thông tin miệng hay các phương tiện thông tin đại chúng.

+ Tiếp xúc: là giai đoạn khách du lịch có nhu cầu tiếp xúc bằng mắt thường với đối tượng, tuy chỉ lướt qua nhưng là quan sát bằng mắt thực.

+ Nhận thức: khách du lịch làm quen với đối tượng cơ bản, đi sâu vào nội dung của nó, thời gian tiếp xúc lâu hơn.

+ Đánh giá, nhận xét: Với kinh nghiệm sống của bản thân về nhận thức, khách du lịch so sánh đối tượng này với đối tượng khác gần với nó.

2.4.3. Phân loại tài nguyên du lịch nhân văn

Các nhà nghiên cứu phân tài nguyên du lịch nhân văn thành hai loại chính là tài nguyên du lịch nhân văn vật thể và tài nguyên du lịch nhân văn phi vật thể.

• Tài nguyên du lịch nhân văn vật thể là sản phẩm vật chất có giá trị lịch sử văn hoá, khoa học bao gồm các di tích lịch sử văn hoá, danh lam thắng cảnh di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia. Gồm:

+ Di sản văn hoá thế giới vật thể.

+ Các di tích lịch sử văn hoá, danh thắng cấp quốc gia và địa phương.

+ Các cổ vật và bảo vật quốc gia.

+ Các công trình đương đại.

• Tài nguyên du lịch nhân văn phi vật thể là sản phẩm tinh thần có giá trị lịch sử - văn hoá, khoa học, được lưu giữ bằng trí nhớ, chữ viết, được lưu truyền miệng, truyền nghề, trình diễn và các hình thức lưu truyền khác bao gồm: tiếng nói, chữ viết, tác phẩm văn học nghệ thuật, khoa học, ngữ văn truyền miệng, diễn xướng dân gian, lối sống, nếp sống, lễ hội, bí quyết nghề nghiệp thủ công truyền thống, tri thức về y dược cổ truyền, văn hoá ẩm thực, về trang phục truyền thống dân tộc và những tri thức dân gian. Gồm các dạng tài nguyên dưới đây:

- + Di sản văn hoá thế giới truyền miệng và phi vật thể.
- + Các lễ hội truyền thống.
- + Nghề và làng nghề thủ công cổ truyền.
- + Văn hoá nghệ thuật.
- + Văn hoá ẩm thực.
- + Văn hoá ứng xử, phong tục, tập quán.
- + Thơ ca và văn học.
- + Văn hoá các tộc người.
- + Các phát minh, sáng kiến khoa học.
- + Các hoạt động văn hoá thể thao, kinh tế - xã hội có tính sự kiện.

2.5. Lễ hội

2.5.1. Khái niệm lễ hội

Lễ hội là loại hình sinh hoạt văn hóa tổng hợp hết sức đa dạng và phong phú, là một kiểu sinh hoạt tập thể của nhân dân sau thời gian lao động mệt nhọc hoặc là dịp để con người hướng về một sự kiện lịch sử trọng đại: Ngưỡng mộ tổ tiên, ôn lại truyền thống, giải quyết lo âu, những khao khát, ước muốn mà cuộc sống thực tại chưa giải quyết được.

Lễ hội có từ thời kì xa xưa, từ khi chưa hình thành nhà nước (tức là khi xã hội chưa phân chia giai cấp) . Một nhà văn hóa người Nga đã cung cấp một sự kiến giải có tính nguyên lí về lễ hội. Ông viết "hội hè" đó là một hình thức nguyên sinh rất quan trọng của văn hóa nhân loại. Hội hè bao giờ cũng có hàm nghĩa sâu rộng, một thế giới quan rõ ràng. Theo ông không có một khâu nào trong toàn bộ quá trình lao động "Tự thân chúng có thể trở thành hội hè" hay hiểu một cách khác, lễ hội không chỉ xuất phát thuần túy từ quá trình lao động, từ phương tiện vật chất mà trước hết từ mục tiêu cao nhất của sự tồn tại nhân sinh tức là từ thế giới tinh thần, tư tưởng, lý tưởng sống.

2.5.2. Nội dung của lễ hội

Nội dung lễ hội bao gồm 2 phần : phần lễ và phần hội

•Lễ : Lễ được giải thích theo từ điển tiếng Việt là những nghi thức tiến hành nhằm đánh giầu, kỷ niệm, một sự vật, một sự kiện nào đó có ý nghĩa. Trong các nghi thức toát lên những yếu tố mang tính chất tâm linh thể hiện sự cầu mong. Đó chính là những giải pháp tâm lý mang tính chất huyền bí mà con người đặt ra. Trong lễ chủ yếu các nghi thức liên quan đến hoạt động cầu mùa, cầu an, mong cho mọi vật đều được phát triển, con người ngày càng có cuộc sống thịnh vượng. Cho nên lễ hội là phần đạo của con người, nó chi phối mọi suy nghĩ và hoạt động của con người.

Theo Giáo Sư Hà Văn Tấn “lễ là các nghi lễ liên quan đến tôn giáo”, lễ là hành vi cúng tế tổ tông, cầu phúc, lễ bao quát mọi hành vi ứng xử của xã hội. “ Lễ ” vẫn giữ được một phương diện nguyên thủy của nó, là hình thức biểu thị mối quan hệ giữa con người với môi sinh tự nhiên của nó. Hiểu theo nghĩa từ, là biểu thị một sự tôn kính, một sự “ bày tỏ kính ý” với một đối tượng nào đó. Sự kính trọng được thể hiện trong những mối quan hệ giữa người với người hoặc giữa người với tự nhiên. Sự “kính ý” chỉ là cái ý tưởng, còn “bày tỏ kính ý” là sự khác thể hóa “kính ý” để đối tượng nhận sự kính ý có thể nắm được. Nói cách khác, là sự cụ thể hóa các ý tưởng để nó trở thành hiện thực, có thể tri giác bằng các hành động mang “tính biểu tượng” hoặc toàn bộ các hệ thống biểu tượng (vật thay thế) để nhận ra các giá trị mang tính trừu xuất. Toàn bộ sự kính ý đó được biểu thị qua các phương diện sau đây:

- Trước hết, ở thái độ xã hội (của cá nhân hoặc nhóm) thông qua các hành động hoặc vật biểu thị mang “tính biểu tượng”. Đó là vẻ mặt (diện mạo), giọng nói (ngữ điệu), hình thức nói (ngữ ngôn), dáng điệu (tư thế), cử chỉ, điệu bộ... và cả kể phục trang, đầu tóc, dày dép... Tóm lại, đó là những biểu thị bằng đích thực cơ thể người.

- Thứ đến , là những nghi thức ứng xử bằng “nghi lễ” vật chất hoặc tinh thần, bao gồm toàn bộ “nghi vật” và “nghi trượng”.

- Lễ được thực hành theo hai trình độ: Lễ (lễ phép) trong sinh hoạt thường ngày và Lễ (cuộc lễ) nhân có những sự kiện xã hội đặc biệt.

•Hội: được xem như một hoạt động có đông đảo người tham dự tạo ra những niềm vui theo những phong tục hoặc những dịp có liên quan tới những kỷ niệm của cộng đồng. Hội chính là phần đời của con người, có những hoạt động màu sắc, âm thanh, không khí của lễ hội. Hội phải thỏa mãn những yếu tố sau :

+ Tập trung đông người trong một địa điểm và vui chơi với nhau (có các trò chơi).

+ Được tổ chức từ một sự tích, một sự kiện nổi bật liên quan đến cộng đồng.

+ Hội là đem lại những lợi ích tinh thần cho mọi thành viên trong việc tổ chức và mục đích của lễ hội.

+ Trong hội có nhiều trò vui và diễn tả những phần thực của sự tích.

Khi nói đến lễ hội cổ truyền người ta nói tới phần đạo và phần người trong hoạt động xã hội. Ở đó các nghi thức rất cụ thể và sinh động. Nó vừa mang tính chất đời thường đồng thời cũng được thần thánh hóa. Vì vậy lễ hội diễn ra có sức hấp dẫn kỳ lạ. Con người được hòa quyện vào thiên nhiên, để chơi, để quên đi những nhọc nhằn vất vả và hướng tới niềm vui trong tương lai.

•Mối quan hệ giữa lễ và hội :

- Lễ hội có một mối quan hệ tương hỗ trong sự thống nhất.

- Lễ và hội là hai yếu tố lúc tách rời nhau dễ nhận thấy là một bên thiêng liêng một bên tục, một bên là phần đạo, một bên phần đời. Đó là sự tách biệt dễ nhận thấy. Nhưng trong quá trình vận động thì hai yếu tố này đã xâm nhập vào nhau, gắn bó với nhau, trong lễ có hội và trong hội có lễ.

•Thời gian lễ hội

Lễ hội xuất hiện vào thời điểm linh thiêng của sự chuyển tiếp giữa hai mùa, đánh dấu sự kết thúc của một chu kỳ lao động, chuẩn bị bước sang một chu kỳ mới. Lễ hội tập trung nhất vào mùa xuân, ngoài ra còn có nhiều lễ hội tổ chức vào mùa thu.

Khi đánh giá các lễ hội phục vụ mục đích du lịch cần lưu ý những đặc điểm sau :

- Tính thời gian của lễ hội : các lễ hội không phải diễn ra quanh năm mà chỉ tập trung trong thời gian ngắn. Các lễ hội thường diễn ra vào mùa xuân.
- Quy mô của lễ hội : các lễ hội có quy mô lớn nhỏ khác nhau. Có lễ hội diễn ra ở địa bàn rộng, có lễ hội chỉ bó gọn trong một địa phương.
- Các lễ hội thường được tổ chức tại những di tích lịch sử văn hóa. Điều đó cho phép khai thác tốt hơn cả di tích lẫn lễ hội vào mục đích du lịch.

2.5.3. Đặc điểm của lễ hội

Ở bất kì thời đại nào, bất cứ dân tộc nào, bất cứ mùa nào cũng có lễ hội. Lễ hội tạo ra tấm thảm muôn màu mà ở đó mọi sự hòa quyện vào nhau, thiêng liêng và trần tục, nghi lễ và hồn hậu, truyền thống và phóng khoáng, cô đơn và đoàn kết, trí tuệ và bản năng.

Lễ hội mang những đặc điểm sau :

- Lễ hội là thời điểm mạnh (thời điểm có giá trị đặc biệt, thời điểm thiêng) của đời sống cộng đồng.
- Tính quần thể: Lễ hội lôi cuốn mọi lứa tuổi, mọi lớp người đến tham dự.
- Tính hoành tráng: Không gian lễ hội rộng, hoạt động của lễ hội phong phú, đa dạng.
- Tính biểu dương : Lễ hội là dịp biểu dương sức mạnh cộng đồng.
- Tính thiêng: Muốn hình thành lễ hội bao giờ cũng phải tìm được một lý do mang tính "thiêng" nào đó. Đó là người anh hùng đánh giặc bị thương, ngã xuống mảnh đất ấy lập tức mới đùn lên thành mộ. Đó là nơi người anh hùng bỗng nhiên hiển thánh, bay về trời, cũng có khi đó chỉ là một bờ sông.
- Tính đương đại

Tuy mang nặng sắc thái cổ truyền, lễ hội, trong quá trình vận động của lịch sử, cũng dần dần tiếp thu những yếu tố đương đại. Những trò chơi mới, những cách bài trí mới, những phương tiện kỹ thuật mới như radio, cassette, video, tăng âm,

micro... đã tham gia vào lễ hội, giúp cho việc tổ chức lễ hội được thuận lợi hơn, đáp ứng nhu cầu mới. Tuy vậy, những sự tiếp thu này đều phải dần dần qua sự sàng lọc tự nguyện của nhân dân, được cộng đồng chấp nhận, không thể là một sự lắp ghép tùy tiện, vô lý.

- Lễ hội là một hiện tượng văn hóa dân gian tổng thể.
- Là tổng hòa của hai yếu tố Lễ và Hội, linh thiêng và trần tục, trật tự và hỗn độn.
- Là hình thức tổng hòa văn hóa , nghệ thuật, lịch sử, văn học, âm nhạc, hội họa, kiến trúc, trò chơi dân gian.
- Lễ hội là một hình thức diễn xướng tâm linh.
- Từ thế giới hiện thực vươn lên thế giới biểu tượng linh thiêng.
- Thỏa mãn ước vọng vươn tới sự hòa đồng giữa con người với thiên nhiên với cội nguồn.

2.5.4. Phân loại lễ hội

- Có rất nhiều cách để phân loại lễ hội, theo cuốn : "cơ sở văn hóa Việt Nam" của Giáo Sư Trần ngọc Thêm phân loại lễ hội căn cứ vào mục đích, cấu trúc của văn hóa có thể phân biệt 3 loại lễ hội.
- Lễ hội liên quan đến cuộc sống trong mối quan hệ với môi trường tự nhiên(gồm có lễ hội cầu mưa, lễ hội xuống đồng, lễ hội tắm trâu, lễ hội côm mới, lễ hội đua thuyền , hội chọi trâu)
- Lễ hội liên quan đến cuộc sống trong môi trường xã hội: lễ hội kỷ niệm những anh hùng có công dựng nước và giữ nước như hội đền Hùng, hội Gióng, hội đền Hai bà Trưng, hội đền Nguyễn Bình Khiêm, hội đền Trần...
- Lễ hội liên quan đến đời sống cộng đồng các lễ hội tôn giáo và văn hóa như hội chùa Hương, chùa Thầy, chùa Tây Phương...
- Một số nhà nghiên cứu khác phân loại như sau :
- Hệ thống lễ hội dân gian truyền thống

Các lễ hội đã hình thành, tồn tại và phát triển trong lịch sử đó là kho tàng văn hóa đặc sắc của người Việt Nam, mang dấu ấn những giai đoạn phát triển của mỗi địa phương và cả dân tộc trong tiến trình lịch sử. Những lễ hội này gắn bó với cuộc sống lao động sản xuất của các tầng lớp dân cư ở các địa phương khác nhau về thời gian những lễ hội này xuất hiện và tồn tại trước năm 1945. Với số lượng đồ sộ và nội dung phong phú tạo lên giá trị to lớn trong kho tàng di sản văn hóa cực kì quý báu của dân tộc. Kho tàng này đã và đang được khai thác đầy đủ phục vụ những mục đích khác nhau của đất nước trong thời kì đổi mới. Có thể nói lễ hội dân gian truyền thống là cốt lõi của kho tàng văn hóa phi vật thể của dân tộc ta, cần phải tiếp tục đầu tư, nghiên cứu và khai thác đúng hướng để đạt hiệu quả nhiều mặt.

- Những lễ hội hiện đại

Sau cách mạng tháng 8 năm 1945 những lễ hội hiện đại ra đời, nội dung và tính chất lễ hội hiện đại chủ yếu gắn với các nhân vật và sự kiện lịch sử liên quan đến cách mạng và kháng chiến với các chiến công do Đảng Công Sản Việt Nam và Bác Hồ vĩ đại lãnh đạo. Lễ hội hiện đại còn là những hoạt động văn hóa mang tính kỷ niệm, tưởng niệm các danh nhân, các anh hùng dân tộc, các sự kiện chính trị quân sự, văn hóa xã hội trong đời sống tinh thần của nhân dân. Với nội dung và sự tham gia của các thành tố hiện đại, lễ hội hiện đại luôn phản ánh trình độ phát triển của đất nước và xã hội và thời kì tổ chức lễ hội, đồng thời phản ánh xu thế phát triển chung của thời đại.

- Những lễ hội văn hóa thể thao và du lịch

Là những lễ hội hiện đại, lễ hội văn hóa, thể thao, du lịch xuất hiện trong quá trình đổi mới đất nước. Là hoạt động văn hóa xã hội mang tính kinh tế phản ánh trình độ và khả năng cùng các yêu cầu đặt ra của nền kinh tế đất nước trong giai đoạn mới của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

2.5.5. Tác động qua lại giữa lễ hội và du lịch

Lễ hội ra đời không vì mục đích du lịch nhưng lại mang tính du lịch rõ nét. Điều đó được thể hiện thông qua những điểm sau:

- Lễ hội lôi kéo người dân từ nơi khác đến
- Lễ hội có lịch lễ hội và hành trình lễ hội. Nó phản ánh tính mùa vụ trong du lịch
- Tính du lịch còn thể hiện ở hoạt động di chuyển, lưu trú tạm thời của người khách, hoạt động đảm bảo nhu cầu về dự lễ hội của địa phương, mục đích chuyến đi của khách dự hội là trải hội kèm theo những mục đích khác như thưởng ngoạn, khám phá, nghiên cứu...

Do vậy lễ hội và du lịch có sự tác động qua lại lẫn nhau:

- Tác động của du lịch đến lễ hội
- Tác động tích cực
 - + Tiến hành nghiên cứu, khảo sát, thống kê, đầu tư cho khôi phục nhiều lễ hội văn hóa truyền thống, tôn vinh các giá trị văn hóa, phong tục tập quán truyền thống
 - + Thông qua việc tham quan của du khách tạo sự kính trọng của du khách với những phong tục, tập quán, lễ hội truyền thống, người dân sẽ tự hào hơn về truyền thống văn hóa. Họ nhận thức rõ về việc bảo tồn các giá trị về lễ hội và phong tục, tập quán truyền thống.
 - + Việc bảo tồn, phát triển những loại hình văn hóa nghệ thuật; những giá trị văn hóa nghệ thuật nói chung, những làng nghề, những món ăn, đồ uống truyền thống cũng góp phần làm cho giá trị văn hoá của lễ hội thêm đa dạng, đặc sắc, hấp dẫn và bảo tồn các thuần phong mỹ tục, truyền thống văn hóa tốt đẹp.
 - + Tạo công ăn việc làm, thu nhập cho cộng đồng địa phương, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế địa phương, đóng góp vào ngân sách chung của đất nước.
- Tác động tiêu cực
 - + Do các lễ hội thường diễn ra trong thời gian ngắn, mang tính mùa vụ, lượng dân cư và du khách đến tham dự đông. Nếu không được tổ chức quản lý, khai thác không khoa học, chặt chẽ sẽ gây ra những tác động tiêu cực: Du khách vứt, xả rác bừa bãi, ô nhiễm môi trường, trộm cắp, cướp giật...

+ Hiện tượng thương mại hóa lễ hội ngày càng phổ biến làm lễ hội cổ truyền bị biến tướng, thay đổi về bản chất, mất đi giá trị nhân văn vốn có.

+ Giá cả các dịch vụ bán tại lễ hội thường cao hơn nhiều so với giá trị thực đã làm cho lễ hội bị thương mại hóa, mất đi giá trị vui nhộn, linh thiêng và giáo dục của lễ hội.

+ Thông qua gặp gỡ, giao tiếp với du khách làm cho nhận thức của người dân địa phương được nâng cao, nhưng cũng có sự lai căng văn hóa làm mất đi nét đẹp truyền thống của văn hóa dân tộc.

- Tác động của lễ hội đến du lịch

- Tác động tích cực

Việc tổ chức các lễ hội không chỉ tạo ra các sản phẩm du lịch hấp dẫn du khách mà còn là dịp để giáo dục lòng yêu quê hương, đất nước, tôn vinh, nhớ ơn người có công với quê hương đất nước và tôn vinh, giữ gìn các giá trị đạo đức của địa phương như: ôn lại, khôi phục lại các giá trị văn hóa nghệ thuật, các trò chơi dân gian, nghệ thuật sản xuất nghề thủ công... Đầu tư tổ chức nhiều lễ hội, đặc biệt đối với các lễ hội lớn mang tính chất quốc gia là những yếu tố nuôi dưỡng quan trọng để bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa của lễ hội truyền thống.

Lễ hội là một tài nguyên du lịch rất có tiềm năng. Việc đưa lễ hội vào hoạt động du lịch làm phong phú loại hình du lịch, tăng doanh thu của ngành.

- Tác động tiêu cực

Việc phát triển không đúng hướng của các lễ hội dễ làm nảy sinh nhiều bất cập trong ngành du lịch. Tại một số lễ hội không có sự quản lý chặt chẽ thường diễn ra hiện tượng mê tín dị đoan, buôn thần bán thánh làm ảnh hưởng đến không gian của lễ hội, mất uy tín của ngành du lịch, ảnh hưởng trực tiếp đến du khách.

2.5.6. Ý nghĩa của lễ hội trong đời sống văn hóa của con người

- Lễ hội cổ truyền Việt Nam là sản phẩm của cư dân nông nghiệp lúa nước. Chính vì vậy nó có ý nghĩa to lớn về tinh thần và vật chất trong cộng đồng. Lễ hội chứa đựng những giá trị to lớn về liên kết cộng đồng. Ở giá trị này qua lễ hội con

người được gần gũi, hiểu biết và quý mến nhau. Thông qua đó cộng đồng làng xã được khẳng định một cách vững chắc. Môi quan hệ làng xã được nâng lên sau mỗi dịp hội làng, sự hiểu biết giữa các dân tộc được tăng lên, sự chia sẻ củng cố giữa các thành viên trong làng xã, các địa phương ngày càng được củng cố và phát triển.

- Lễ hội còn là dịp tưởng nhớ đến các vị anh hùng có công với đất nước, giúp cho thế hệ sau hiểu về truyền thống đấu tranh hào hùng của dân tộc, yêu mến quê hương đất nước và thêm kính trọng các bậc cha ông, tổ tiên xưa.

- Giá trị cộng đồng

Ngày hội là dịp biểu thị sức mạnh cộng đồng, cũng là dịp thể hiện các mối quan hệ, ứng xử, giao tiếp ở cả ba chiều: cá nhân - cá nhân, cá nhân - cộng đồng, cộng đồng - cá nhân.

Với cộng đồng đây là cơ hội thuận tiện để biểu dương và chứng minh uy lực của mình. Với cá nhân đây là dịp "cái tôi vô danh" hòa nhập vào "cái ta chung". Mỗi thành viên bày tỏ thái độ của mình hưởng ứng và tham dự ở các mức độ tình cảm và thái độ với cộng đồng mình sống và gắn bó.

- Giá trị cân bằng đời sống tinh thần

Ngày nay khi đời sống vật chất ngày càng phát triển, thêm vào đó con người luôn phải sống trong khuôn phép, không được thả lỏng, đời sống tinh thần bị hạn chế vì thế họ đã tìm đến lễ hội để cân bằng đời sống tâm linh, tình cảm, hòa đồng với tình yêu con người. Do đó những nỗi niềm băn khoăn, những nguyện vọng về đời sống hiện tại và tương lai, cũng như sinh hoạt đời thường được thể hiện một cách sinh động và cô đúc dưới dạng biểu tượng trực tiếp nghệ thuật hay nghi lễ, trang nghiêm hay trần tục trong các lễ thức trò chơi hay trò diễn cùng các cuộc đua tài.

2.5.7. Thực trạng của hoạt động lễ hội hiện nay

Trong những năm qua, công tác tổ chức và quản lý lễ hội ở nước ta đã có nhiều chuyển biến tích cực, góp phần quan trọng vào việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân, thúc đẩy phát triển các

ngành dịch vụ, du lịch. Tuy nhiên, thời gian gần đây, việc tổ chức lễ hội đã và đang xuất hiện những biểu hiện tiêu cực, phản cảm như: mở rộng quy mô lễ hội một cách tràn lan; trách nhiệm của người quản lý và ý thức của người tham gia lễ hội còn nhiều hạn chế, bất cập dẫn đến thái độ và hành vi ứng xử chưa văn hóa đối với một số lễ hội; các hiện tượng tiêu cực như: mê tín dị đoan, xâm phạm cảnh quan môi trường, an ninh trật tự không đảm bảo, thương mại hóa lễ hội có chiều hướng phát triển... Thực trạng này đang làm giảm đi giá trị chân thực vốn có và làm sai lệch giá trị bản sắc văn hóa của nhiều lễ hội, gây bức xúc trong dư luận xã hội.

GS - TS Ngô Đức Thịnh, nhà nghiên cứu văn hóa dân gian, Ủy viên Hội đồng Di sản quốc gia, nói khi trả lời phỏng vấn báo Thanh Niên đã nhấn mạnh: “Đến dự lễ hội để tưởng nhớ công ơn của tổ tiên, tôn vinh người có công với dân, với nước... là đạo lý, là nét đẹp của truyền thống văn hóa dân tộc. Đến dự lễ hội để được vui chơi, giải trí, được bồi đắp đời sống tinh thần một cách bổ ích và phong phú là điều cần được tôn trọng, khuyến khích. Song, biến lễ hội thành nơi thực hành “mê tín, dị đoan”, hay chạy theo lợi nhuận mà lấy mục đích kinh tế thay cho mục đích văn hóa... lại là điều phải chấn chỉnh kịp thời”.

Tiểu kết chương

Trong xu thế phát triển chung của nhân loại thì du lịch là một nhu cầu rất cần thiết đối với con người. Du lịch ngày càng phát triển với nhiều loại hình du lịch mới như du lịch nghỉ dưỡng, chữa bệnh, du lịch mạo hiểm, du lịch văn hóa... Và lễ hội là một loại hình du lịch văn hóa có giá trị cho việc khai thác để phát triển du lịch. Lễ hội vật cầu Kim Sơn là một lễ hội gắn liền với đời sống của cư dân nông nghiệp trồng lúa nước. Nó không chỉ là một cuộc vui chơi giải trí, là nơi thử sức, thi tài mà còn là nơi người dân gửi gắm tâm tư tình cảm của mình thông qua các nghi lễ cầu rước. Lễ hội mang đậm chất dân gian truyền thống. Vì thế việc tìm hiểu, phát triển lễ hội là việc rất cần thiết để bảo tồn văn hóa dân tộc.

CHƯƠNG 2

LỄ HỘI VẬT CẦU KIM SƠN

1. Hội vật cầu ở Việt Nam

Theo khảo cứu thì hội vật cầu xuất hiện ở nước ta từ rất lâu, nó được lưu truyền rộng rãi trong dân gian, không được lưu thành văn bản chính thức bởi nó chưa có dịp thể chế hóa hoạt động văn hóa, nhưng đã trở thành truyền thống lâu đời trong đời sống lễ hội. Do đời sống của người Việt cổ nằm cạnh các dòng sông, nền văn hóa lúa nước nên các hoạt động của họ đều gắn liền với nước. Từ xưa người ta đã nhận thấy tầm quan trọng của nước trong hoạt động canh tác nên đã đắp mương làm thủy lợi, dẫn nước vào đồng ruộng. Nhưng như vậy chưa đủ để việc trồng trọt diễn ra một cách suôn sẻ, mùa vụ vẫn bị đe dọa bởi các yếu tố thiên tai, dịch bệnh. Con người không thể chế ngự được thiên nhiên, họ cho rằng có các vị thần tự nhiên cai quản việc hô mưa, gọi gió và nếu làm những vị thần này phật ý thì họ sẽ giáng tai họa xuống làm cho mùa vụ thất bát, đời sống khổ cực. Vì vậy họ đã thờ và tôn kính các vị thần này như những đấng cao cả mà người ta gọi là thần linh có thể lực siêu nhiên. Từ đó mà các nghi lễ rước nước, cầu mưa để gửi gắm những mong muốn, ước nguyện của họ tới các vị thần được ra đời. Vật cầu là một trong những nghi thức cầu, rước của cư dân nông nghiệp lúa nước nhằm rèn luyện sức khỏe, mang ý nghĩa văn hóa phồn thực gắn liền với đời sống canh tác. Ngoài những ý nghĩa đó vật cầu được coi là một trò chơi thể thao mang tính trí tuệ và thể lực, nâng cao sức bền bỉ, dẻo dai chống lại với thiên nhiên khắc nghiệt đồng thời có sức khỏe trong chiến đấu chống giặc ngoại xâm. Có nơi thì vật cầu, có nơi thì cướp cầu như một trò chơi có ý nghĩa cầu mùa.

Ở Việt Nam hội vật cầu được tổ chức ở một số nơi như: Hội vật cầu ở thị xã Đồ Sơn, Hải Phòng được tổ chức từ mùng 4 đến mùng 6 tháng giêng âm lịch. Vật cầu ở Đồ Sơn không rõ có từ bao giờ, nhưng theo các cụ cao tuổi vùng này kể lại: Sau khi đánh thắng giặc phương Bắc, bà Lê Chân được Hai Bà Trưng giao nhiệm

vụ trấn giữ miền Duyên hải, bà ra sức cho dân chúng vùng này đắp đường cho quân lính đi lại tuần tra canh gác. Dân chúng hưởng ứng nhiệt tình. Họ cùng nhau chặt tre, phá vườn để hoàn thành sớm những con đường trước thời gian quy định. Những ngày đắp đường như thế, lúc giải lao, dân chúng thường lấy những củ chuối to ở các mảnh vườn vừa phá, thách đố nhau bê chạy từ chỗ này đến chỗ khác, xem ai nhanh hơn. Từ đó, mỗi khi xuân về, Tết đến, dân vùng này lại tụ tập diễn lại tích trò đặc biệt. Ngày nay, vật cầu ở Đồ Sơn dường như được phổ biến rộng rãi hơn. Vào những ngày Tết. Ngoài những lời thăm hỏi tốt lành, người Đồ Sơn vẫn không quên dự những hội làng cổ truyền và hiện đại trong đó có hội vật cầu.

Ở hội làng Yên Xá, thị xã Bắc Ninh thì quả cầu được làm bằng gỗ sơn đỏ được thờ ở hậu cung đình làng, đến ngày hội thì đem ra cướp đưa về hai lỗ chiêm và mùa để cầu mùa lúa là chính.

Hội cướp cầu thuộc miền hạ Yên Thế, nay là huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang được tổ chức để mừng xuân. Hình thức tổ chức tùy theo làng lớn, làng nhỏ mà cách làm khác nhau. Làng nhỏ chia làm 2 giáp, làng vừa thì 4 giáp, theo lượng người mà phân chia. Địa điểm tổ chức cướp cầu có khi là sân đình là bãi rộng cửa đình, bãi rộng bên đình và quả cầu được sơn son thiếp vàng, màu sắc rực rỡ, hấp dẫn. Cuối cùng trai đình giáp nào cướp được cầu, ôm lấy, chạy vào đặt được trong đình là thắng cuộc.

Ở xã Phù Ninh, huyện Gia Lâm, Hà Nội có trò cướp cầu đưa vào giỏ đan tre thùng chôn được trồng ở hai đầu sân đình.

Hội làng Gừa được tổ chức vào ngày 4 tháng 1 âm lịch tại làng Gừa, xã Liêm Thuận, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam. Quả cầu bằng gỗ, kích thước xấp xỉ như quả bóng chuyền ngày nay, được sơn son thiếp vàng và trang trí vẽ mây sóng trên bề mặt. Quả cầu được tung lên cướp chứ không phải ném và giỏ hay vào lỗ, đội nào thắng sẽ được vào cung hội trồng, tế thánh khai hội và họ tin rằng mọi ước nguyện cũng sẽ linh ứng.

Trong lễ hội đảo vũ của xã Thạch Trục, tỉnh Vĩnh Phúc có trò cướp dưa thay cho cướp quả cầu son. Người nào cướp được quả dưa thiêng đầy ắp nước thì phải luôn nhanh ra khỏi đám đông, lao thẳng ra ao nước cửa đình làng, ném quả dưa xuống nước. Đó là một nghi lễ, nghi thức cầu mưa.

Mỗi lễ hội có một hình thức tổ chức và ý nghĩa khác nhau nhưng chúng đều mang đậm nét văn hóa truyền thống của dân tộc, cần bảo tồn và phát huy.

2. Khái quát về lễ hội truyền thống ở Hải Phòng

Tới thăm Hải Phòng vào mùa xuân, quý khách có thể tham dự nhiều lễ hội, thăm các di tích lịch sử. Vào mùa hè, tham gia những chuyến du lịch và vui chơi giải trí. Mùa thu, tham dự hội chọi trâu hay những làng nghề truyền thống. Mùa đông, đến với thú vui leo núi, thăm các hang động hay kên núi Voi...

Hải phòng là thành phố có nhiều tài nguyên du lịch nhân văn, hệ thống lễ hội phong phú, đa dạng. Mỗi lễ hội mang một sắc thái, màu sắc và ý nghĩa riêng biệt, chủ yếu lễ hội ở Hải Phòng mang sắc thái là một ngày hội với các trò chơi dân gian mang đặc trưng của vùng đất nông nghiệp với những tích xưa.

Sau đây là một số lễ hội đặc trưng của Hải Phòng

STT	Tên lễ hội	Thời gian diễn ra lễ hội	Địa điểm tổ chức
1	Hội chọi trâu Đồ Sơn	Ngày mùng 9 tháng 8 hàng năm	Đồ Sơn – Hải Phòng
2	Hội đèn nghề	Từ ngày 8 đến ngày 10 tháng 2 âm lịch	Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng
3	Lễ hội núi Voi	Từ ngày 12 đến 14/2	Huyện An Lão - thành phố Hải Phòng
4	Hội đèn Trạng - Nguyễn Bình Khiêm	Ngày 28/11 âm lịch hằng năm.	Khu di tích đèn Trạng huyện An Lão, thành phố Hải Phòng

Khóa luận tốt nghiệp

5	Hội du xuân ở Thủy Nguyên	Tết Nguyên Đán	Thủy Nguyên- Hải Phòng
6	Lễ hội xuống biển	Từ ngày 4 đến ngày 6 tháng 1 (âm lịch) hàng năm.	Làng chài Trân Châu -Cát Bà – Hải Phòng
7	Hội đình Hạ	20/08 Âm lịch	Quận Hồng Bàng – Hải Phòng.
8	Hội đình Dư Hàng	Ngày 18 tháng 2 âm lịch hàng năm	Đình Dư Hàng, xã Dư Hàng Kênh, huyện An Hải
9	Hội đền An Lư	Ngày 11-11 âm lịch	Đền An Lư thuộc xã An Lư, huyện Thủy Nguyên –Hải Phòng

Lễ hội ở Hải Phòng ngoài những đặc điểm riêng cũng mang những nét chung của lễ hội làng Việt.

Lễ hội là chứng tỏ tính cố kết của cộng đồng, là minh chứng cho nét đẹp văn hoá ngàn đời của ông cha. Mỗi lễ hội mang một nét tiêu biểu và giá trị riêng, nhưng bao giờ cũng hướng tới một đối tượng linh thiêng cần được suy tôn như những vị anh hùng chống ngoại xâm, những người có công dạy dỗ truyền nghề, chống thiên tai, diệt trừ ác thú, giàu lòng cứu nhân độ thế... Với tư tưởng uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ người trồng cây, ngày hội diễn ra sôi động bằng những sự tích, công trạng, là cầu nối giữa quá khứ với hiện tại, làm cho thế hệ trẻ hôm nay hiểu được công lao tổ tiên, thêm tự hào về truyền thống quê hương, đất nước của mình. Đặc biệt, lễ hội ở nước ta gắn bó với làng xã, địa danh, vùng đất như một thành tố không thể thiếu vắng trong đời sống cộng đồng nhân dân.

Phần lớn các lễ hội thường gắn với sự kiện lịch sử, tưởng nhớ người có công với nước trong chiến tranh chống giặc ngoại xâm nên các trò vui chơi ở lễ hội thường mang nhiều tính mạnh mẽ của tinh thần thượng võ như hội vật cầu. Sự phong phú của lễ hội ở Hải Phòng vừa là nét đẹp văn hóa dân tộc nhưng cũng vừa là một trong những sản phẩm du lịch hấp dẫn du khách trong và ngoài nước.

- Thời gian mở hội, thường được tổ chức nhiều nhất vào ba tháng mùa xuân và mùa thu. Hai khoảng thời gian trên là lúc người dân nhàn rỗi. Mùa xuân tiết trời ấm áp, mùa thu tiết trời mát mẻ, đều thuận lợi cho việc tổ chức lễ hội. Hai yếu tố cơ bản tạo nên sự thoải mái, vui vẻ cho người đi dự hội.

- Một số đặc điểm của lễ hội

+ Tính thiêng

Muốn hình thành một lễ hội, bao giờ cũng phải tìm ra được một lý do mang tính "thiêng" nào đó. Đó là người anh hùng đánh giặc bị tử thương, ngã xuống mảnh đất ấy, lập tức được môi đùn lên thành mộ. Đó là nơi một người anh hùng bỗng dung hiển thánh, bay về trời. Cũng có khi đó chỉ là một bờ sông, nơi có một xác người chết đuối, đang trôi bỗng nhiên dừng lại, không trôi nữa; dân vớt lên, chôn cất, thờ phụng... Cũng có khi lễ hội chỉ hình thành nhằm ngày sinh, ngày mất của một người có công với làng với nước, ở lĩnh vực này hay lĩnh vực khác (có người chữa bệnh, có người dạy nghề, có người đào mương, có người trị thủy, có người đánh giặc...). Song, những người đó bao giờ cũng được "thiêng hóa" và đã trở thành "Thần thánh" trong tâm trí của người dân. Nhân dân tin tưởng những người đó đã trở thành Thần thánh, không chỉ có thể phù hộ cho họ trong những mặt mà sinh thời người đó đã làm: chữa bệnh, làm nghề, sản xuất, đánh giặc... mà còn có thể giúp họ vượt qua những khó khăn đa dạng hơn, phức tạp hơn của đời sống. Chính tính "Thiêng" ấy đã trở thành chỗ dựa tinh thần cho nhân dân trong những thời điểm khó khăn, cũng như tạo cho họ những hy vọng vào điều tốt đẹp sẽ đến.

+ Tính cộng đồng

Lễ hội chỉ được sinh ra, tồn tại và phát triển khi nó trở thành nhu cầu tự nguyện của một cộng đồng. Cộng đồng lớn thì phạm vi của lễ hội cũng lớn. Bởi thế mới có lễ hội của một họ, một làng, một huyện, một vùng hoặc cả nước.

+ Tính địa phương

Lễ hội được sinh ra và tồn tại đều gắn với một vùng đất nhất định. Bởi thế lễ hội ở vùng nào mang sắc thái của vùng đó. Tính địa phương của lễ hội chính là điều chứng tỏ lễ hội gắn bó rất chặt chẽ với đời sống của nhân dân, nó đáp ứng những nhu cầu tinh thần và văn hóa của nhân dân, không chỉ ở nội dung lễ hội mà còn ở phong cách của lễ hội nữa. Phong cách đó thể hiện ở lời văn tế, ở trang phục, kiêu lọng, kiêu kiệu, kiêu cờ, ở lễ vật dâng cúng...

+ Tính cung đình

Đa phần các nhân vật được suy tôn thành Thần linh trong các lễ hội của người Việt, là các người đã giữ các chức vị trong triều đình ngày xưa. Bởi thế những nghi thức diễn ra trong lễ hội, từ tế lễ, dâng hương, đến rước kiệu... đều mô phỏng sinh hoạt cung đình. Sự mô phỏng đó thể hiện ở cách bài trí, trang phục, động tác đi lại... Điều này làm cho lễ hội trở nên trang trọng hơn, lộng lẫy hơn. Mặt khác lễ nghi cung đình cũng làm cho người tham gia cảm thấy được nâng lên một vị trí khác với ngày thường, đáp ứng tâm lý, những khao khát nguyện vọng của người dân.

+ Tính đương đại

Tuy mang nặng sắc thái cổ truyền, lễ hội, trong quá trình vận động của lịch sử, cũng dần dần tiếp thu những yếu tố đương đại. Những trò chơi mới, những cách bài trí mới, những phương tiện kỹ thuật mới như radio, cassette, video, tăng âm, micro... đã tham gia vào lễ hội, giúp cho việc tổ chức lễ hội được thuận lợi hơn, đáp ứng nhu cầu mới. Tuy vậy, những sự tiếp thu này đều phải dần dần qua sự sàng lọc tự nguyện của nhân dân, được cộng đồng chấp nhận, không thể là một sự lắp ghép tùy tiện, vô lý.

Ngoài ra tại các lễ hội còn có nghệ thuật diễn xướng, nghệ thuật tạo hình và trang trí, nghệ thuật âm nhạc, ca múa... tạo lên sự phong phú đặc sắc cho lễ.

3. Lễ hội vật cầu Kim Sơn truyền thống

3.1. Môi trường tự nhiên - xã hội hình thành nên lễ hội

3.1.1. Điều kiện tự nhiên

3.1.1.1. Vị trí địa lý, địa hình

- Vị trí địa lý

Huyện Kiến Thụy nằm về phía Đông Nam cách trung tâm thành phố Hải Phòng 20 km. Diện tích là 10.753 ha, dân số 126.046 người, gồm 18 đơn vị hành chính xã, thị trấn (tính đến tháng 4 năm 2009). Bắc và Tây Bắc huyện giáp quận Dương Kinh và quận Kiến An; Đông và Đông Nam giáp quận Đồ Sơn và vịnh Bắc bộ; Nam và Tây Nam giáp huyện Tiên Lãng; Tây giáp huyện An Lão. Huyện lỵ đóng tại thị trấn núi đồi.

Huyện được bao bọc bởi gần 27km bờ biển, các con sông Đa Độ và Văn Úc có ý nghĩa quan trọng cả về kinh tế chính trị lẫn quốc phòng an ninh. Sông Đa Độ là sông có ý vị trí hết sức quan trọng trong phát triển kinh tế xã hội không chỉ riêng của Kiến Thụy mà còn của các địa bàn An Lão, Kiến An, Đồ Sơn.

- Địa hình

Với diện tích 107.53 km², huyện Kiến Thụy là vùng đất quy tụ được 4 loại địa hình cơ bản như: Đồi, đồng bằng, bờ và đáy biển được phân thành 2 nhóm chính là nhóm địa hình lục địa ven bờ và nhóm địa hình bờ - đáy biển. Toàn bộ địa hình cơ bản trên lại được phân bố trong một không gian lục địa - biển của vùng cửa sông châu thổ Văn Úc - Thái Bình. Do vậy, địa hình huyện Kiến Thụy khá phong phú về kiểu loại, đa dạng về nguồn gốc

3.1.1.2. Khí hậu

Kiến Thụy mang đặc điểm khí hậu nhiệt đới gió mùa ảnh hưởng của biển hình thành 2 mùa rõ rệt. Mùa khô hanh từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau, mùa hè nóng ẩm nhiều bão vào tháng 4 – tháng 10.

+ Nhiệt độ trung bình năm khoảng 22°C - 23°C. Cao nhất vào tháng 6 và tháng 7, thấp nhất vào tháng 1 và tháng 12.

+ Lượng mưa trung bình trên một năm: 1500 – 2000mm

+ Độ ẩm tương đối trung bình hàng năm 82% - 85 %

+ Chế độ gió mùa thay đổi theo mùa. Mùa đông thịnh hành gió Đông Bắc, mùa hè thịnh hành gió Nam và Đông Nam.

+ Bão và giông tập trung trong tháng 5 đến tháng 9. Bình quân hàng năm chịu ảnh hưởng trực tiếp từ 1 đến 2 cơn bão, gián tiếp từ 3 đến 4 cơn bão đổ bộ vào biển Đông. Bão thường kèm theo mưa, lũ gây úng lụt và sạt lở đê điều.

3.1.1.3. Chế độ thủy văn

Huyện Kiên Thụy là vùng đất nằm tiếp giáp sông Văn Úc ở phía nam đoạn chảy qua huyện dài 14.75 km. Giữa huyện là sông Đa Độ có nhiều khúc uốn, đoạn chảy qua địa bàn huyện dài 29km. Ngoài ra phía Đông và Đông Nam huyện còn nhiều khúc sông, lạch triền như sông He, sông Sàng, sông Cốc Liễn...đều đã bị ngăn chặn dòng chảy bằng các con đập có cống hoặc không có cống thông thương với sông, biển tự nhiên. Những sông lạch này của huyện đã từng là nơi giao tranh quyết liệt của tướng quân Nguyễn Hữu Cầu thừa trước. Một số nhánh sông nhỏ ở phía nam huyện Đa Ngư... cũng đã bị chặn bởi các đê ngăn lũ, chỉ được chảy qua sông Văn Úc qua hệ thống cống hoặc đã bị đắp chặn hoàn toàn.

Kiên Thụy có hai dòng sông lớn chảy qua:

+ Sông Văn Úc chảy qua địa bàn có chiều dài 14,75 km có chiều rộng trung bình trên dưới 100m, sâu trung bình 4m, lưu lượng trung bình 120m³/s. Từ năm 1936 đào sông Mới, sông Văn Úc nhận thêm nước của sông Hồng,qua sông Luộc vào sông Mới đổ vào sông Văn Úc và trở thành nguồn cung cấp nước chủ yếu. Do nhận nguồn nước từ sông Hồng, hoạt động của sông Văn Úc ngày càng mạnh, hàm lượng phù sa bồi sông Văn Úc tới 9 triệu tấn, tạo xu thế nâng cao bãi bồi thấp ở cửa sông.

+ Sông Đa Độ có chiều dài qua địa bàn Kiến Thụy hơn 20 km, là con sông trữ lượng nước ngọt cho thành phố, hiện nay cung cấp nước cho nhà máy nước cầu Nguyệt, nhà máy nước Đồ Sơn, lượng nước sử dụng lên tới 120000m³/ ngày.

So với các huyện khác của thành phố nằm gần hệ thống sông Hồng, điều kiện địa chất tuy đang trong tình trạng sụt chìm song được bồi tích của hệ thống sông Hồng. Kiến Thụy có được mặt lợi thế về mặt địa chất thủy văn.

3.1.1.4. Tài nguyên đất

Kiến Thụy có tổng diện tích tự nhiên là 10.753 ha, chủ yếu đất dùng cho sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp là chính, đất dành cho sản xuất công nghiệp và dịch vụ không đáng kể.

Đất dành cho nông nghiệp để sản xuất lúa chủ yếu tập trung ở các xã Tú Sơn, Đại Hợp, Đoàn Xá, Thanh Sơn, Thụy Hương, Ngũ Đoan, Kiến Quốc, Ngũ Phúc, Đại Hợp...

Đất sản xuất lúa mùa vụ khoảng 5000 ha, vụ chiêm khoảng 4800 ha, diện tích có khả năng khai thác 3 vụ khoảng 1700 ha.

Đất cây xanh lâu năm khoảng 337.51ha.

Đất còn lại là bãi bồi ven sông, có khu rừng ngập mặn phía Đông Nam huyện thuộc xã Đại Hợp, có diện tích khoảng 860ha. Do điều kiện tự nhiên là vùng đồng bằng sản xuất thuần nông, tài nguyên rừng biển chưa được quy hoạch, phát triển. Vì vậy chưa khai thác được tài nguyên du lịch.

3.1.1.5. Tài nguyên sinh vật

Hệ động vật: cho đến nay đã thống kê được 122 loài động vật trên cạn thuộc 51 họ, 18 bộ của 4 lớp động vật. Động vật trên cạn có xương sống bao gồm: Lớp lưỡng thể có 8 loài thuộc 4 họ và 1 bộ, lớp bò sát có 11 loài, 6 họ và có 2 bộ, lớp chim phong phú nhất có 95 loài thuộc 36 họ và 11 bộ, lớp thú có 8 loài thuộc 5 họ và 4 bộ.

Đáng chú ý trong nhóm động vật trên cạn có thống kê được 7 loài nằm trong sách đỏ Việt Nam gồm: rắn ráo thường, rắn cạp long, rắn hổ mang, tắc kè, bò nông chân xám, cò thìa, rái cá thường.

Hệ thực vật: thống kê sơ bộ cho thấy, ở huyện Kiến Thụy có 300 loài, thực vật bậc cao của 250 họ thuộc các ngành khác nhau như ngành mộc lan hạt kín, ngành thông hạt trần, ngành dương xỉ, ngành rong đỏ và ngành nấm.

Ven biển Kiến Thụy có thể gặp hầu hết các loài cây ngập mặn ở phía bắc Việt Nam như: mắm quặn, bần, đước, muồng biển, cói... Mặc dù về số lượng loài không phong phú, diện tích phân bố tương đối tập trung do rừng đước trồng tỉa, bảo vệ tốt ở ngoài đê quốc gia nên có tác dụng chống đước sóng to gió lớn trong hững cơn bão biển.

3.1.2. Điều kiện xã hội

3.1.2.1. Điều kiện kinh tế:

Kiến Thụy có 19,68 km bờ biển, 4.500 bãi triều ngập nước, trong đó có 200 bãi triều cao. Điều kiện môi trường không thuận lợi cho canh tác lúa, nhưng đặc biệt thích hợp cho hoạt động nuôi trồng và phát triển thủy, hải - đặc sản. Với những thuận lợi ấy, Kiến Thụy đã xác định nuôi trồng thủy sản là hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế mũi nhọn của huyện. Từ chủ trương đó, huyện đã triển khai xây dựng khu nuôi tôm công nghiệp, các trại sản xuất và dịch vụ tôm giống trên diện tích 175 ha sử dụng 100% thức ăn và phương pháp nuôi trồng công nghiệp. Không những thế, chính quyền địa phương còn khuyến khích người dân nuôi trồng thủy sản nước ngọt, nước lợ theo mô hình kinh tế trang trại tạo bước đột phá trong nuôi trồng thủy sản. Hiện nay, Kiến Thụy đã đưa 2.483 ha vào nuôi trồng thủy sản, chiếm 24% diện tích đất canh tác.

Trong chăn nuôi, Kiến Thụy đã và đang hình thành các trang trại chăn nuôi gia súc gia cầm. Đến nay, toàn huyện có 41 trang trại chăn nuôi có hiệu quả. Nếu

tính cả số hộ gia đình, toàn huyện có đến 500 - 600 mô hình nuôi 50 – 100 đầu lợn siêu nạc chủ yếu phục vụ xuất khẩu.

Về trồng trọt cũng có khá nhiều động thái và chuyển biến tích cực. Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng phê duyệt kế hoạch đầu tư, cơ chế hỗ trợ nông dân huyện vay vốn ưu đãi mua máy cơ khí phục vụ sản xuất. Ngoài trạm khuyến nông, huyện thí điểm 2 trung tâm học tập cộng đồng thực hiện nhiệm vụ chuyển giao các tiến bộ khoa học - kỹ thuật, phổ biến kiến thức pháp luật, đồng thời vận động các phong trào, dự định sẽ nhân rộng mô hình này tới tất cả các xã. Tăng cường cơ khí hóa cải tạo ruộng vườn, áp dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật, huyện đã từng bước đưa năng suất lúa lên 8 tấn/ha và hiện nay là 10,7 tấn/ha, đứng hàng thứ 3 về năng suất lúa của thành phố. Ngoài ra, huyện Kiến Thụy còn hình thành những vùng nông sản phục vụ xuất khẩu quy mô nhỏ.

Năm 2011, huyện Kiến Thụy xác định chủ đề hành động là “Đẩy mạnh xây dựng quy hoạch, tăng cường quản lý đất đai và bảo đảm an sinh xã hội”. Theo đó, tập trung chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa – hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, thu hút đầu tư, phát triển sản xuất hàng hóa, phấn đấu tốc độ tăng trưởng năm 2011 từ 9,5 – 10,5%. Thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn và hỗ trợ sản xuất nông nghiệp, thủy sản; thực hiện tốt việc quy hoạch 3 tiểu vùng, phát huy thế mạnh của từng vùng, từng sản phẩm, phấn đấu tốc độ tăng trưởng cao và bền vững, quy hoạch phát triển các vùng sản xuất rau, hoa màu có giá trị kinh tế cao; đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật, đưa cơ giới vào các khâu sản xuất nhằm phát triển hàng hóa lớn, có năng suất, chất lượng cao, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường. Tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, nhất là hạ tầng giao thông nông thôn. Cùng với đó đặc biệt ưu tiên huy động mọi nguồn lực đầu tư xây dựng phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, công nghiệp- dịch vụ. Trong năm, tập trung xây dựng và hoàn thiện các quy hoạch trọng điểm để thu hút đầu tư và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực. Lập, triển khai quy hoạch chi tiết phát triển các tiểu vùng, ngành, lĩnh vực kinh tế trọng điểm theo quy hoạch tổng thể

kinh tế- xã hội của huyện đến năm 2020 mà thành phố đã phê duyệt. Trong đó, ưu tiên xây dựng quy hoạch chi tiết các khu, cụm công nghiệp gắn với ưu tiên phát triển hạ tầng kỹ thuật; tập trung xây dựng quy hoạch thị trấn Núi Đồi, các xã ven đô và các xã quy hoạch xây dựng thành thị trấn...

Kiến Thụy đã hình thành một số ngành công nghiệp mũi nhọn như sản xuất giày vải xuất khẩu, dệt may xuất khẩu, nhựa, bao bì và các mặt hàng truyền thống như mây tre đan, dệt thảm, hàng thủ công mỹ nghệ...

Với 74 di tích lịch sử cùng các lễ hội truyền thống, các danh thắng như núi Đồi, núi Trà Phương, cùng hệ thống giao thông thuận lợi... Kiến Thụy có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch. Hiện nay, huyện đã có kế hoạch phối hợp cùng các điểm du lịch đồ Sơn, núi Voi (An Lão), núi Phù Liễn (Kiến An) thành khu du lịch, nghỉ ngơi liên hoàn. Đồng thời, huyện đang xúc tiến công tác lập và triển khai một số dự án như: khôi phục di tích Dương Kinh nhà Mạc, xây dựng công viên Bến Thuyền Đa Độ, đường du lịch sau núi Đồi.

3.1.2.2. Chính trị - xã hội

Ban thường vụ Thành uỷ nhất trí cao về việc nghiên cứu, ra nghị quyết về phát triển huyện Kiến Thụy đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020, giao cho Ban cán sự Đảng UBND thành phố chỉ đạo các sở, ngành xây dựng và đề xuất vận dụng một số cơ chế, chính sách, hỗ trợ sản xuất đầu tư vào lĩnh vực có tính chất đột phá để giúp huyện Kiến Thụy triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Ban thường vụ Thành uỷ cũng như Đề án quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Kiến Thụy đến năm 2020” đã được UBND thành phố phê duyệt. Trước đó, với tinh thần làm việc trách nhiệm, khẩn trương, Ban thường vụ Thành uỷ đã hoàn thành việc đánh giá kết quả 5 năm thực hiện chỉ thị 48 của Bộ Chính trị “về bảo vệ bí mật của Đảng trong phát ngôn và sử dụng, bảo quản thông tin, tài liệu trong tình hình mới. Theo đó, thực hiện Chỉ thị số 48 - CT/TW của Bộ Chính trị, mặc dù trong điều kiện, bối cảnh các thế lực thù địch đẩy mạnh các hoạt động thu thập bí mật nhà nước nhằm thực hiện âm mưu “diễn biến hoà bình”, “bạo loạn lật

đồng” nhưng dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Thành uỷ, HĐND và UBND TP, các cấp uỷ, chính quyền, các sở, ban, ngành, cán bộ, đảng viên và nhân dân đã đề cao trách nhiệm, cảnh giác trong việc bảo vệ bí mật của Đảng và Nhà nước. Sau khi thống nhất bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp tập trung lãnh đạo, chỉ đạo nhằm tăng cường công tác bảo vệ bí mật Đảng và Nhà nước, Ban Thường vụ Thành uỷ đồng ý giao Văn phòng Thành uỷ chủ trì phối hợp với Đảng uỷ công an thành phố và các cơ quan có liên quan tham mưu giúp Ban Thường vụ Thành uỷ tổ chức hội nghị cán bộ thành phố tổng kết 5 năm thực hiện chỉ thị 48 của Bộ Chính trị đề hướng dẫn chi tiết, cụ thể về việc thực hiện các quy trình, quy định về bảo vệ bí mật Đảng và Nhà nước để các cơ quan, đơn vị nắm chắc, triển khai thực hiện tốt trong thời gian tới.

Xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn là khâu đột phá để -Kiến Thụy đẩy nhanh quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Phong trào làm đường nông thôn (gồm cả đường nhựa, cấp phối, xi măng, bê tông) phát triển ở hầu hết các địa phương. Một số trục đường chính của huyện đã được cải tạo, nâng cấp cả quy mô, chất lượng, góp phần từng bước đô thị hoá khu trung tâm huyện. Chủ trương xây dựng đường 353 và phát triển mạnh khu đô thị phía Nam thành phố đã tác động mạnh đến đời sống kinh tế - xã hội Kiến Thụy. Với chủ trương tập trung đẩy mạnh thu hút đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, huyện đã tạo mọi điều kiện cho các doanh nghiệp từ khâu lập dự án, giải phóng mặt bằng.

- Về lĩnh vực giáo dục - đào tạo

Các cấp, ngành học có chuyển biến tích cực cả về quy mô lẫn chất lượng đào tạo. Trong những năm qua, ngành giáo dục đã triển khai các nhiệm vụ quan trọng như bồi dưỡng kiến thức cho học sinh yếu, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho giáo viên, tu bổ bàn ghế, trang thiết bị dạy và học và triển khai tốt chương trình đổi mới sách giáo khoa lớp 1 và lớp 6... Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp tiểu học và trung học cơ sở đạt 98 - 99%, trung học phổ thông đạt trên 95%. Các trung tâm học tập cộng đồng đã thực hiện tốt nhiệm vụ đào tạo nghề cho lao động vào các doanh nghiệp.

3.1.2.3. Dân cư

Do sản xuất - kinh doanh phát triển, đời sống nhân dân đã từng bước được nâng cao. Sức khỏe của dân được quan tâm, các chương trình y tế quốc gia như tiêm chủng mở rộng, phòng chống thiếu muối i-ốt, phòng chống dịch bệnh và vệ sinh an toàn thực phẩm được thực hiện tốt.

Trong quy hoạch thành phố đến năm 2010, Kiến Thụy được xác định là đô thị vệ tinh và vùng phụ cận quan trọng trong chiến lược phát triển. Trong tương lai, các khu công nghiệp tập trung sẽ được xây dựng dọc đường 353 và một số khu công nghiệp hình thành sâu trong địa bàn huyện. Nếp sống văn minh công nghiệp, văn minh đô thị lan toả từ các địa bàn này sẽ là những cơ hội mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, thu hút lao động, phát triển mạnh dịch vụ. Khu du lịch núi Đồi được quy hoạch theo hướng nhà vườn và khu chung cư cao tầng, đảm bảo đây là một trong điểm nối với Cát Bà - Đồ Sơn. Đây là một tiền đề quan trọng giúp kinh tế Kiến Thụy phát triển mạnh hơn nữa.

3.2. Lịch sử hình thành lễ hội vật cầu Kim Sơn

Trong dân gian thì trò vật cầu là một trò chơi dân gian, lưu truyền sâu rộng và được nâng lên theo những nghi lễ riêng biệt của từng vùng. Hội vật cầu Kim Sơn cũng đã mô phỏng các trò chơi cướp cầu của các vùng khác thuộc vùng đồng bằng Bắc Bộ nhưng có khác là ba năm mới tổ chức một lần và cầu được làm từ củ chuối hột.

Lễ hội vật cầu Kim Sơn gắn liền với quá trình tồn tại của vùng đất bãi bồi ven sông Văn Úc và công cuộc khai khẩn đất đai tìm ra vùng đất mới này. Có nhiều cách lý giải cho việc hình thành lễ hội vật cầu Kim Sơn:

Có ý kiến cho rằng đó là hiện tượng sinh hoạt văn hóa dân gian cầu mùa nước để làm đồng, cầu cho cây trái tốt tươi.

Tương truyền, vật cầu vốn là môn thể thao do tướng Phạm Ngũ Lão (đời Trần) đặt ra để rèn luyện quân sĩ cho kháng chiến chống quân Nguyên Mông. Nhưng hội vật cầu ở làng Kim Sơn, xã Tân Trào, huyện Kiến Thụy có từ bao giờ thì hiện nay vẫn chưa thể khảo cứu tường tận. Tuy vậy, căn cứ vào các đặc điểm lễ

hội mang tính thể thao thượng võ cao, tính dân gian độc đáo thì Hội Vật cầu ở làng Kim Sơn có từ rất lâu và ngày càng được nâng cao, hoàn thiện trở thành lễ hội dân gian đặc trưng cho nét văn hoá của vùng. Lễ hội được mở vào ngày mùng 6 tháng Giêng của năm "phong đăng hoa cốc" (thường 3 năm một lần).

3.2. Nội dung lễ hội

3.3.1 Lịch tổ chức lễ hội

Trong dân gian có rất nhiều loại hình vui chơi giải trí gắn liền với cuộc sống lao động của con người. Một trò chơi được tổ chức vào dịp năm mới của đại bộ phận dân cư làm nông nghiệp vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng, lễ hội vật cầu của làng Kim Sơn được hình thành từ lâu đời, được tổ chức vào ngày mùng sáu tháng Giêng âm lịch, cứ ba năm được tổ chức một lần theo những nghi lễ trọng đại. Vào thời gian này là ngày dân còn nghỉ làm chơi Tết Nguyên Đán, ngày xuân đầu năm mới cầu mùa, cầu may cho cả năm.

Cho đến nay vẫn chưa có thể lý giải được tại sao ông cha ta lại tổ chức lễ hội vật cầu vào ngày mùng sáu tháng Giêng âm lịch trong những ngày đầu xuân năm mới như hiện nay. Chỉ biết ngày này là ngày kỵ húy của thần Đông Hải Đại Vương Thiên Quan Vũ Muối. Thông qua một số công trình nghiên cứu, khảo cứu tại một số địa phương vùng lân cận Kim Sơn và Hải Phòng ngày xưa có hội cướp cầu ở các nơi: làng Gừa (Liêm Thuận - Thanh Liêm - Hà Nam) tổ chức vào ngày mùng bốn tháng Giêng âm lịch, một số làng thuộc vùng hạ Yên Thế (Tân Yên - Bắc Giang) thường tổ chức vào tháng Giêng âm lịch, làng Vân Hà (Bắc Ninh) thì tổ chức vào ngày mùng chín tháng Giêng, một số làng ở huyện Thường Tín - Hà Tây cũng tổ chức vào dịp đầu xuân.

Như vậy các hội vật cầu hay cướp cầu ở các vùng xung quanh Kim Sơn - Hải Phòng thuộc vùng châu thổ sông Hồng ngày xưa thường hay tổ chức vào dịp đầu xuân năm mới. Từ thực tế của lễ hội vật cầu nói trên, người nghiên cứu cho rằng lễ hội vật cầu Kim Sơn cũng chịu sự chi phối và ảnh hưởng của các lễ hội xung quanh

do vậy lễ hội được tổ chức vào đầu mùa xuân (mùng sáu tháng Giêng âm lịch) là phù hợp với quy luật không gian, thời gian của lễ hội, vùng miền.

3.3.2. Chuẩn bị lễ hội

Vì là một lễ hội có ý nghĩa quan trọng đối với đời sống của người dân nên công việc chuẩn bị cho lễ hội rất công phu cầu kỳ và chu đáo. Trước thời gian diễn ra lễ hội, các bô lão trong làng họp bàn xem xét khả năng làm ăn mùa vụ của dân làng để quyết định phong hay sái. Nếu làm ăn phong thì tổ chức lễ hội quy mô lớn, nếu làm ăn sái thì tổ chức lễ hội quy mô bình thường. Các chức sắc trong làng bàn đến từng phần việc cụ thể: Ban tế lễ gồm 11 ông tế đảm, bầu giáp đăng cai, đội rước được tuyên chọn kĩ càng với các qui định nghiêm ngặt. Được tham gia trong ban tế là một vinh dự lớn lao nên các giáp điều cố gắng để giáp của mình có được nhiều người trong ban tế. Ban tế tổ chức tập rượt lại nghi lễ tế, các động tác dâng hương, dâng tửu thật thuần thực để không phạm những sai sót nhỏ trong việc tế lễ. Cùng với thời gian này các giáp chuẩn bị đội giai cầu của giáp mình, các đô vật là những trai làng khỏe mạnh.

Trước ngày hội mười ngày, ngày mười tám tháng Chạp dân làng làm lễ mở cửa đình để chạp thần, các việc được bàn tính xem xét cụ thể từ việc dựng cổng làng đón khách cho đến việc dựng cổng giáp sao cho đẹp, dựng cờ, chông kiệu, sửa đường, dọn dẹp ngõ xóm phong quang sạch sẽ, làm lễ và ấn định thời điểm tiến hành lễ mộc dục, trong đình được sửa sang quét dọn khang trang.

Các dòng họ trong làng theo địa bàn sinh sống mà hình thành ba giáp, đại diện cho ba xóm: Giáp Đượng(giáp Đông) giáp Nam và giáp Bắc. Cờ và quần áo của ba giáp phân biệt theo màu: đỏ, vàng, xanh. Khi vật cầu trên sân ba màu hòa quyện rất đẹp.

Quân của mỗi giáp có 5 người dự thi được gọi là giai cầu, chọn trong số trai làng chưa vợ, cao to khỏe đẹp và phải có tiếng reo to, dài hơi khi vật.

Mỗi giáp lại có một tổng cờ, là người có tướng mạo đẹp, biết phát cờ cầm quân khi vào hội vật. Người này mặc quần áo võ, đầu chít khăn, chân vắn xà cạp,

tay phải cầm cờ đuôi nheo sao cho cán tỉ cạnh sườn, tay trái chống cạnh bên; trong keo vật được chạy vòng ngoài theo sát quân, phát cờ cầm quân như võ tướng ngày xưa.

Trước đây giai cầu cỡi trần, néo khô, ngày nay đổi thành quần đùi thắt lưng đai vải.

Quả cầu được làm từ củ chuối hột vườn nhà, đường kính khoảng 30 – 40cm, nặng từ 14 – 20kg còn tươi được gọt tròn, nhẵn và trơn tuột. Để có quả cầu khổng lồ này, làng phải giao cho từng giáp cắt cử người trồng, chăm sóc chuối và cuối cùng lựa chọn trong số đó củ chuối to nhất, nặng nhất. Vì vậy keo vật còn có ý nghĩa thử thách sức khỏe trai làng.

Cũng trong ngày 30 Tết, quả cầu được trang trí xong bằng giấy bọc hồng điều, có gắn hình tứ linh (long- ly- quy - phượng) bằng giấy trang kim, đặt trên mâm bông kiệu, phía trước kiệu bằng hương án thờ thần ở đình làng trước con mắt chứng kiến của dân làng.

Từ ngày 30 tết cho đến đúng 10 giờ trưa ngày mùng 6 tháng Giêng là bắt đầu diễn ra lễ hội. Từ 3 đường về đình vào sân vật cầu dân làng đã dựng cổng chào quán bện rơm, cài hoa và treo đèn, cờ, hoa trang trí rực rỡ. Mỗi cổng một kiểu khác nhau và điều có dựng đại tự trang trọng bằng chữ:

“ Kiến như đại tân.
Anh hùng trần lục
Vật ngã giai xuân”.

Tạm dịch:

“ Ngày gặp ngõ lớn
Toàn sân vật cầu
Quyết giành chiến thắng”

Việc chuẩn bị sân vật cũng hết sức quan trọng ảnh hưởng lớn đến việc cử hành trận đấu. Sân vật cầu được quét dọn sạch sẽ, lỗ cầu cái được dọn cẩn thận và

không thay đổi vị trí đã định từ trước, còn lại ba lỗ cầu quân cách nhau 13m chia theo hình tam giác đều nằm về hướng theo đường về ba xóm của ba giáp tham dự.

Trước ngày chính hội, những người dự tế điều phải tắm gội sạch sẽ từ ở nhà, ăn chay, ra đình chuẩn bị cỗ bàn hiến tế, người coi đình sắp xếp các vị trí chỗ nào đặt hương án, quán tầy ...rồi chuẩn bị hương hoa vàng mã, những vật dụng tế lễ phải được chọn cẩn thận, hương đăng vàng mã phải được chọn chuẩn mực.

Đến ngày 30 tháng Chạp ngoài đình diễn ra cuộc tế “Tổng cự nghinh tân” tức là làm lễ tế tất niên đối với thần. Tại các gia đình vẫn có cúng gia tiên trong dịp lễ tất niên nhưng việc ra đình tham dự buổi tế này cũng rất cần thiết đối với mọi người. Và cứ thế thờ cúng cho đến chính hội.

3.3.3. *Trình tự lễ hội*

Lễ hội vật cầu thường diễn ra trong ngày mùng Sáu tháng Giêng âm lịch. Nhưng trước đó vào ngày 18 tháng Chạp làm lễ chạp thần.

Sau khi vị chủ tế khẩn trình xin phép được làm lễ chạp thần, những người được chọn làm lễ thì cầu cúng khẩn tế phải tuân theo trình tự bằng những động tác cung kính, tôn nghiêm. Sau đó làm lễ mộc dục tắm tượng, bắt đầu bằng việc tháo gỡ xiêm áo mũ miện để tắm tượng, tức là lau rửa dọn dẹp ngai và bài vị của thần thờ trong đình bằng nước hoa thơm tinh khiết.

Ngày 30 tháng Chạp: làm lễ cáo yết tổng cự tân nghinh- tức là báo cáo việc tế lễ.

Ngày mùng 6 tháng Giêng: làm lễ chính hội.

Bước vào ngày hội chính từ sáng sớm đã nổi lên những loạt trống làng thúc dục người dân tham dự lễ hội. Sau đó là bước tế lễ, đội tế bao gồm: một ông chủ tế, từ hai đến ba ông bồi tế, 1 ông đông xướng, 1 ông chúc văn, hai bên dâng mỗi bên từ 3 đến 5 người để dâng dâng và dâng tửu, 1 ông chiêng, 1 ông trống, 1 ông phường bát âm gồm 8 người. Trong hậu cung có hai ông phù tế để nhận đồ tế vào. Chủ tế phải là người vợ chồng song toàn, không bận tang, có tư cách đạo đức tốt,

được mọi người tin tưởng. tất cả đội tế ăn mặc giống y phục của quan lại triều đình, chân đi hài. Quần áo chủ yếu là hai màu: màu vàng và màu đỏ.

Chủ tế mặc áo đỏ có thêu bồi tử trước và sau, đầu đội mũ cánh chuồn. Đông xướng và tây xướng không có mũ cánh chuồn.

Khi tiến hành tế lễ, các đồ dùng tế tự như hương hoa, đài nến, lư hương được đặt ra một chiếc bàn trước đại bái và một chậu quán tẩy sở.

Trước khi vào cuộc chính thức, ông chủ tế kiểm tra lại một lần nữa những đồ tế. Đội nhạc gồm phường bát âm, sinh tiền, chiêng trống góp phần làm cho buổi tế thêm trang nghiêm, thiêng liêng.

Chuẩn bị vào tế, ông đông xướng:

- Các tam nghiêm: nghĩa là có ba điều cấm kị trong khi tế: không đi lại lộn xộn, khách thập phương không ai được vào hành lễ trong khi tế...

Sau đó ông đông xướng:

- Khai trình cổ, hai bên chiêng trống nổi lên ba hồi chín tiếng.
- Nhạc sinh khởi nhạc (đội bát âm bắt đầu hòa nhạc tế)
- Chấp sự giả chủ kỳ sự (mọi người quần áo tế đứng nghiêm chỉnh ở vị trí được phân công)
- Thế cân (mọi người sửa lại cổ áo, mũ và các thứ được trang bị cho chắc chắn, ý hỏi mọi người ở các vị trí đã đủ chưa)
- Quán tẩy (sơ báo tất cả mọi người vào làm việc đến tập trung ở chậu để sắp rửa tay)
- Nghệ quán tẩy sở (mọi người đến chậu rửa tay bằng rượu thang là loại rượu thơm được đun nóng lên)

Bộ phận nhạc vào tiếp tục nổi lên ba hồi trống mời: chủ tế tỵ vị, sau đó nhạc tiếp tục nổi lên: bồi tế tỵ vị.

Đông xướng tiếp tục chỉ huy tế: chủ tế và dâng đi vào soi xét lại trong cung kiểm tra lại lễ vật đầy đủ chưa, khi đủ thì bắt đầu tế. Khi tế có bốn chiếu trải: chiếu

ngoài cùng dành cho bồi tế, chiếu trong cùng dành cho chủ tế (duy nhất chỉ có chủ tế được vào chiếu này)

Khi tế phải châm tửu (uống rượu) nhậm trà (uống trà) trước sau đó mới tế.

Người xướng loạt đầu tiên dâng hương đăng. Hai hàng, mỗi hàng hai người đầu tiên bung nến, người thứ hai bung lư hương. Hai ông đó đi vào chiếu của chủ tế quỳ xuống, chủ tế nhận nến và lư hương của từng bên một gọi là bái đăng, bái nhang. Khi ông chủ tế bái nhang, bái nhang xong, ông xướng hô “tiên đăng, tiên nhang” lúc đó hai ông đăng hương đi dần vào trong cửa cung lần lượt đưa cho người phù tế nến và nhang đặt lên án giang rồi lại quay ra.

Sau lễ dâng đăng, dâng nhang đến lễ dâng tửu. Lễ này được dâng lên ba lần gọi là tam tuần (tức là dâng tửu ba lần). Mỗi lượt hai bên có hai ông bung ba đài rượu, bên phải là một ông bung một chiếc đài để chiếc be. Lần thứ nhất dâng tửu hai bên cùng tiến vào chiếu nơi chủ tế quỳ. Ông chủ tế bái tửu rồi đưa lại, hai bên lại dẫn tửu đi vào trong cung.

Sau lần tiên tửu lần thứ nhất thì rước chúc văn từ trong cung đi ra. Đi ra hương án tiền chỗ ông chủ tế quỳ thì người chuyên chúc văn cho ông đọc chúc. Ông đọc chúc văn đọc to, rõ rang, mạch lạc cho mọi người nghe. Chúc văn đọc từ 15 – 20 phút, với giọng xướng. Khi đọc xong tất cả ông phủ phục bái hai lễ. Ông chuyên chúc, đọc chúc và người cầm tiền lên trả chúc ở hương án.

Sau đó dâng hai tuần rượu nữa, nghi thức như lần đầu. Kết thúc ba tuần dâng tửu theo lời tế ông chủ xướng quỳ xuống làm lễ thụ lộc đỡ chén rượu uống một ngụm nhỏ gọi là “âm phước”. Thụ lộc xong quỳ phục một lần nữa rồi quay ra. Các tế viên cũng vào lễ tạ.

Ông đông xướng:

Phần chúc. Người đọc chúc tiến lên hương án lấy chúc năn rồi hóa chúc văn, tro đổ vào chậu nước bê ra bên ngoài. Sau khi nội tán làm lễ xong lần lượt mới đến các cụ cao niên vào làm lễ tiếp theo. Tiếp đó là các vị có chức sắc trong làng dâng

lễ cầu cúng. Lần lượt các giáp tham gia hội vật dâng cỗ cúng của giáp mình lên cho thần.

Đúng mười giờ sáng ngày mùng sáu tháng Giêng thì ông chủ tế mới cho bắt đầu những thủ tục trước khi vào hội vật cầu. Trước khi vào hội quả cầu được rước từ đình Đoài về đình Thượng để vào đám tế. Tế 3 ngày mới vào vật cầu. Đoàn rước đi trong tiếng reo hò và chiêng trống rộn rã. Khi đoàn đến giữa sân thì hạ kiệu. Một vị cao lão bung quả cầu gieo xuống hố cái. Các giai cầu hò reo, giang tay chạy vòng quanh hố cầu cái. Tổng cờ chạy phát cờ ở ngoài. Sau tiếng “cắc” của trống, các giáp về vị trí. Tổng cờ đến bàn chủ khảo nghe lệnh rồi chuẩn bị ra quân. Hội vật cầu có ba keo, nếu giai cầu nào đưa được cầu vào lỗ cầu quân (3 lỗ cầu quân ứng với 3 giáp) thì thắng, nếu ở ven lỗ cầu quân chỉ được cộng điểm.

Phút giao cầu bắt đầu từ hiệu trống đầu tiên và thúc liên tục. Tiếp đó các giai cầu cùng vẩy tay, reo hò chạy đến miệng hố cầu và vờn cầu quanh lỗ cầu cái. Vờn ba lần theo 3 lần thúc trống thì bốc thăm. Giáp nào bốc thăm trúng thì bế cầu lên.

Mỗi giáp được cử một giai cầu xuống hố cầu cái để tung cầu lên. Các giai cầu ở các giáp tranh giành vật lộn nhau để đưa cầu vào hố cầu quân của giáp mình thì thắng cuộc vật cầu. Nếu ở ven lỗ thì cộng điểm. Như vậy cuộc cầu sẽ diễn ra trong thời gian rất lâu.

Tiếng trống “cắc” làm hiệu gùng keo vật, quả cầu lại được đưa xuống hố cầu cái, rồi trống lại dội lên cùng tiếng hò reo. Cứ thế đến khi hiệu trống hội liên hội rung lên keo vật lại được bắt đầu.

Khi quả cầu từ dưới hố cái tung lên bóng, tròn và nặng trĩu, càng tranh giành nhiều, cầu tẩm đất và mưa xuân càng khó ôm. Các giáp cầu tranh giành, ngăn cản nhau quyết liệt mong đưa được cầu về hố cầu quân của giáp mình. Quả cầu lúc tung cao, lúc chìm trong khối người cơ bắp nổi cuồn cuộn, mồ hôi nhễ nhại. Tổng cờ luôn theo sát quân, vừa phát cờ thúc giục, vừa ra dấu giáp tranh cầu. Thỉnh thoảng dội lên vài tiếng reo hò vang dậy của giai cầu và người xem khi quả cầu được mang về hố cầu quân của sân nhà.

Môn vật cầu là khó ở chỗ do được làm bằng củ chuối hột còn tươi, ướt nhựa nên quả cầu rất trơn. Trong khi đó theo qui định, các giai cầu không được vác mà phải ôm trong lòng, vừa chạy trong sự cản phá quyết liệt của các giai cầu ở các giáp khác nên rất khó đưa được cầu về hồ cầu quân để tính điểm trong ba keo vật. Khi keo vật thứ ba gần tàn, chủ khảo ra lệnh trống tẩm cầu. Quả cầu được gieo xuống ao đình gần đó. Mười năm giai cầu cùng người xem lao xuống nước tranh lấy một miếng cầu mang về lấy “khước” của thần làng. Tương truyền nếu lợn ăn quả cầu này rất chóng lớn mà không bị dịch bệnh.

Thường thì trưa hôm đó nhà nào cũng làm cỗ thiết khách từ xa về xem hội. Không khí hội hè còn râm ran trong những ngày xuân. Vì vậy dân làng có câu:

“ Mông 3 ăn cỗ (hết cỗ)

Mông 4 ngồi chợ

Mông 5 đợi chờ

Mông 6 được ăn (hết cỗ hội)”

4. Lễ hội vật cầu Kim Sơn ngày nay

4.1. Lịch tổ chức lễ hội

Đến ngày nay lễ hội vật cầu Kim Sơn vẫn là một lễ hội luôn được người dân nơi đây mong mỏi, đợi chờ. Trong hai cuộc kháng chiến chống pháp và Mỹ lễ hội vật cầu không được tổ chức do đình Kim Sơn bị tàn phá nặng nề. Hội vật cầu Kim Sơn bị gián đoạn từ thời kháng chiến chống Pháp. Từ 1997 đến nay hội vật cầu được khôi phục trở lại. Đất nước ta bước vào thời kì đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo. Công cuộc đổi mới theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngày càng thu được thành quả, đời sống của nhân dân được nâng lên rõ rệt. Nhu cầu hưởng thụ đời sống văn hóa tinh thần cũng đặt ra những đòi hỏi rất lớn. Thời kì này vấn đề bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống trở thành nhu cầu cấp thiết. Nhận thức được điều đó các cấp Đảng Ủy và chính quyền huyện Kiến Thụy có chủ trương khôi phục lại các lễ hội mang bản sắc văn hóa vùng cư dân ven biển. Trên

cơ sở đó, hàng loạt lễ hội được khôi phục như lễ hội rước lợn ông Bò làng Kỳ Sơn, lễ hội chạy đá làng Đa Ngư... và lễ hội vật cầu Kim Sơn.

Sau một thời gian dài bị gián đoạn, ngày tổ chức lễ hội vẫn như ngày xưa. Được sự chỉ đạo của UBND thành phố Hải Phòng, sở Văn hóa Thông tin đứng ra tổ chức lễ hội vật cầu được khôi phục và diễn ra rất trang trọng thời kì xã xây dựng “làng văn hóa”. Ngày nay, lễ hội vật cầu Kim Sơn không còn quy định chỗ ngồi, tể cỗ mặn dành cho những vị chức sắc trong làng xã ngày xưa. Một số thủ tục rườm rà trong tế lễ cũng được bỏ đi.

4.2. Chuẩn bị lễ hội

Công tác chuẩn bị lễ hội như sau:

Cứ ba năm một lần lễ hội vật cầu Kim Sơn được tổ chức với sự chuẩn bị chu đáo và công phu.

Đầu tiên là việc chọn củ chuối làm quả cầu. Cây chuối cần già để có củ lớn, để chọn được một gốc chuối ưng ý phải lựa chọn rất kĩ càng từ các cây chuối trong làng.. Trong tiềm thức họ tin rằng quả cầu là nơi chất chứa, gửi gắm những ước nguyện tốt lành. Quả cầu càng to càng đẹp thì mang càng nhiều may mắn.

Củ chuối được gọt tròn, bỏ hết các lớp vỏ ngoài cho tới phần lõi trắng với đường kính khoảng 30 cm, nặng 20kg sau đó bọc giấy hồng điều, trang trí hoa văn và hình tứ linh nổi. Quả cầu được đặt trên hương án thờ tại đình làng từ 30 tết.

Để hội thêm phần hoành tráng, ngoài quả cầu bằng chuối hội người ta còn dựng một quả cầu tương trưng bằng khung tre lớn và đem rước khi vào hội. Quả cầu này cũng được trang trí rất đẹp mắt với hình lưỡng long trầu nguyệt, được các cô gái xinh đẹp trong làng rước ra sân đình trong ngày hội vật.

Phần nghi lễ tế thần được tiến hành từ trước khi diễn ra hội vật cầu. Nếu khi xưa chủ tế phải chọn từ những vị trí có chức sắc trong làng như tiên chỉ, chánh hội hay lý trưởng thì nay người đó do chính dân làng yêu mến cử ra, không phân biệt vị thế chỉ cần là người đức độ, có uy tín.

Việc tế lễ tuân theo một nghi lễ cổ truyền thể hiện sự thành tâm, tôn kính đối với những bậc tiền nhân.

Người già trong làng kể rằng: Kim Sơn có hai đình đều thờ một vị thần thành hoàng làng được sắc phong là “Đương Cảnh thành hoàng làng Thiên Quan Vũ Muối”. Đây là vị tướng thời Mạc trấn tại vùng này. Chính ông là người tổ chức ra hội vật cầu để tuyển chọn binh tướng. Cho nên từ đó tới nay, ba năm một lần, cả làng cùng mở hội vật cầu vào ngày kỵ húy thần, mùng 6 tháng Giêng âm lịch.

Trước hội ba tháng, UBND thành phố và huyện đã kết hợp với xã Tân Trào triển khai kế hoạch tới làng Kim Sơn thành lập ban tổ chức hội vật cầu. Ban tổ chức do đồng chí phó chủ tịch thương trực Ủy Ban Nhân Dân xã làm trưởng ban. Trưởng phòng văn hóa thông tin thể thao, đơn vị phụ trách về công tác chuyên môn và chủ tịch Ủy Ban Nhân Dân xã – đơn vị sở tại nơi diễn ra lễ hội làm phó ban. Trưởng các ngành tài chính, thương nghiệp, văn phòng Ủy Ban Nhân Dân thành phố, y tế, công an và một số chuyên viên nghiệp vụ là thành viên của ban tổ chức. Căn cứ vào kế hoạch của ủy ban nhân dân thành phố, các ngành chức năng, theo yêu cầu công việc cụ thể của ngành mình mà xây dựng phương án thực hiện:

Phòng văn hóa thông tin lập dự trù kinh phí và nội dung phục vụ lễ hội.

Công an thành phố xây dựng phương án bảo vệ: Đây là một lễ hội lớn của vùng, nên có rất nhiều khách thập phương về tham dự, phương án bảo vệ hết sức phức tạp. Các phương án sau khi xây dựng xong phải được thuyết trình và được ban tổ chức phê duyệt.

Ban tài chính chuẩn bị một nguồn ngân sách đủ chi phí phục vụ lễ hội bao gồm cả giải thưởng.

Văn phòng ủy ban xã lo khâu hậu cần, lễ tân, tiếp đón các vị đại biểu về dự lễ hội.

Trung tâm y tế chuẩn bị các thiết bị sẵn sàng phục vụ nếu có trường hợp bất trắc xảy ra.

Ủy ban nhân dân Tân Trào và ban khánh tiết đình Kim Sơn lo phần khánh tiết đón khách tại khu vực lễ hội. Đồng thời tuyển chọn trong làng một đội trống hội bao gồm 10 cả trống cái lẫn trống quân, luyện tập cùng với các giai cầu cho quen không khí và tập lại bài trống truyền thống cho nhuần nhuyễn tránh khỏi sai sót trước khi vào hội.

Ban tổ chức đặt ra yêu cầu khi tổ chức lễ hội phải trọng thể, trang nghiêm, an toàn. Để thực hiện mục đích và yêu cầu này, mọi công việc chuẩn bị cho lễ hội được tiến hành công phu và kỹ lưỡng.

Trước khi vào hội thi, lễ chập thần theo nghi lễ truyền thống vẫn được diễn ra do ban tổ chức, ban khánh tiết đình Kim Sơn chỉ đạo. Sau đó hội trưởng các giáp vật họp bốc thăm màu áo của giai cầu. Đội nào bốc được thăm màu nào thì nhận quần áo màu đó. Quần áo may theo kiểu cổ sát nách xẻ tà, viền cổ, viền tà áo bằng vải khác màu, màu khăn chít đầu, màu đai thắt lưng đồng màu với quần áo. Mọi người khi bốc thăm màu quần áo thì giáp nào cũng mong bốc được màu đỏ đồng màu với màu quả cầu để mong nhận được sự phù hộ của thần linh và gặp nhiều may mắn.

Sau khi các giáp nhận màu quần áo xong, các đội bước vào thời kỳ luyện tập, luyện vật cầu trước ngày mở hội mười ngày để làm quen với sân bãi, quả cầu và thử sức. thời gian và kinh phí luyện tập do các giáp tự lo trang trải, ban tổ chức hỗ trợ kinh phí một phần: Nhiều xóm còn làm nghi lễ tại cửa đình theo nghi lễ truyền thống, thắp hương xôi gà, kê suy, rượu... để cầu cho đội giai cầu của mình bình an vô sự, thắng cuộc vật cầu. Đồng thời nhân dân tự nguyện quyên góp, ủng hộ tạo điều kiện để đội vật của xóm có thêm nhuệ khí trước khi bước vào hội vật cầu.

4.3. Trình tự lễ hội

Trước ngày diễn ra lễ hội (mùng 6 tháng Giêng âm lịch) ngay từ ngày 25 tháng chạp năm cũ, trong làng ngoài xóm được quét dọn sạch sẽ, không khí lễ hội tung bừng khắp nơi. Hệ thống băng zôn khẩu hiệu, cờ hoa được trang trí đỏ rực màu sắc từ đầu đường lớn cho đến từng ngõ xóm. Trước tiên là không khí đón tết

Nguyên Đán, sau là chuẩn bị chu đáo cho ngày lễ hội vật cầu. Tập trung nhiều nhất là khu vực diễn ra lễ hội - trước cửa sân đình Kim Sơn. Nội dung tuyên truyền về ngày lễ hội vật cầu Kim Sơn và tuyên truyền về làng văn hóa cấp thành phố. Hai bên đường đi vào khu vực lễ hội treo cờ hội, nhà dân treo quốc kỳ. Bằng phương pháp tuyên truyền trực quan, một mặt giới thiệu với du khách sẽ có lễ hội vật cầu Kim Sơn, mặt khác gây được cảm xúc thẩm mỹ, tạo không khí hứng khởi cho người về dự hội, lẫn niềm tự hào hân hoan đón chờ ngày lễ hội truyền thống của nhân dân địa phương.

Toàn bộ khu di tích đình Kim Sơn được tu sửa trang hoàng đẹp mắt, trong đình đồ thờ, đồ tế được lau chùi sạch sẽ, sáng sủa, đèn nến lung linh gợi không khí linh thiêng tôn kính. Con đường dẫn vào đình được quét dọn sạch sẽ, cây cối phát quang. Không gian lễ hội tràn ngập khắp nơi với cờ hoa lộng lẫy, đẹp mắt thu hút tầm nhìn và quan sát.

Tiếp đến vào khu vực tổ chức lễ hội, ban tổ chức trang trí trên cổng chào làng có khẩu hiệu “nhiệt liệt chào mừng quý khách về tham dự lễ hội vật cầu Kim Sơn”

Nơi khai mạc lễ hội được mặc định diễn ra trước cửa sân đình Kim Sơn nơi có ao đình, trước cửa là sới vật cầu có tầm quan sát tốt từ trong đình ra. Điều đó rất có ý nghĩa cho cả thần và dân đều có thể xem hội rất thỏa mái và trực diện.

Phòng chính được trang trí trước khu vực ban tổ chức có dòng chữ: “Lễ hội vật cầu Kim Sơn năm...”

Hai bên phòng chính là hai băng zôn đỏ chạy dài ngay trước cửa đình với câu khẩu hiệu là mục tiêu phấn đấu của làng.

Tất cả các thành viên tham gia lễ hội vật cầu Kim Sơn đều được chuẩn bị hoàn tất chu đáo sẵn sàng trước giờ khai mạc. Khu vực giành cho khách mời và đại biểu giới báo chí Trung Ương, địa phương, phóng viên quay phim, nhiếp ảnh được trang trí lộng lẫy bởi hệ thống băng zôn và cờ các loại màu, có mái che, có rèm phủ

quanh mái, có bàn ghế ngồi, nước uống. Ban lễ tân sẵn sàng đưa đón, hướng dẫn đại biểu đến tham dự chu đáo đúng vị trí.

Không gian khu vực lễ hội được giải tỏa thông thoáng phân định ranh giới không để nhân dân xem lán sân vật, các phương tiện khác chiếm. Mọi công việc đặt ra cho ban tổ chức cuộc thi đạt hiệu quả tốt nhất đều được thực hiện phương án tối ưu nhất, sẵn sàng xử lý những trường hợp bất trắc có thể xảy ra.

Ngay từ sáng sớm mọi người đã đổ về Kim Sơn tham gia lễ hội với tâm trạng háo hức. Trong đình nghi lễ ngày kỵ húy vẫn được diễn ra bình thường như nghi lễ truyền thống ngày xưa. Ngoài quả cầu bằng chuối người ta còn dựng một quả cầu tượng trưng bằng tre đan giấy hồng điều bọc bằng giấy có trang kim rất lớn và đem rước khi vào hội

Trước giờ khai mạc, ban tổ chức cùng đại biểu tới thắp hương tại đình. Sau đó du khách thập phương cùng nhân dân về dự hội cùng thành kính tới thành lễ. Như vậy phần lễ đã được đơn giản hóa đi rất nhiều phù hợp với đời sống văn hóa mới, xây dựng khu dân cư văn hóa trong thời kì công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Chuẩn bị bước vào lễ khai mạc, các lực lượng tham gia phục vụ lễ hội đã ở tư thế sẵn sàng, ba đội vật cầu đứng xếp hàng dọc giữa sân đình trong trang phục sắc màu của mình, đoàn đại biểu khách mời ngồi trong nhà Đại Bái. Ba hồi chiêng trống âm vang được đóng lên nhắc nhở mọi người lưu ý giữ gìn trật tự an ninh.

Phần khai mạc bắt đầu bằng lễ chào cờ. Ban tổ chức tuyên bố lý do và giới thiệu đại biểu. Đại diện Ủy ban nhân dân xã Tân Trào ông chủ tịch xã đọc diễn văn khai mạc. Diễn văn khai mạc nhắc lại lịch sử đình Kim Sơn, tinh thần cách mạng của nhân dân Kim Sơn trong thời kì kháng Nhật, đồng thời nhắc lại tinh thần thượng võ của dân tộc ta trong thời kì mở đất tìm vùng đất mới. Bên cạnh đó nồng nhiệt chào mừng du khách thập phương cùng bà con dân làng về dự lễ hội.

Vận động viên của ba giáp cử đại diện lên tuyên thệ.

Trọng tài tuyên thệ.

Kết thúc phần khai mạc đại diện cho ban tổ chức tặng hoa và cờ lưu niệm cho ba đội để cổ vũ tinh thần trước khi vào hội thi. Chỉ trong một thời gian ngắn phần lễ khai mạc thể hiện tinh thần và phong cách văn hóa mới hiện đại được kết hợp hài hòa với những nghi lễ cổ truyền.

Theo sau đó là các đội trống thể hiện bài trống thượng võ tạo không khí rạo rục trong ngày lễ hội. Ngoài sân đình có hai đội lân, rồng múa lượn theo tiếng trống chiêng thúc giục. Các màn múa rồng diễn ra rất đẹp mắt với nhiều bài phong phú nhắc lại sử xưa của vùng đất Kim Sơn cũng như của dân tộc. Tiếp đó là lễ rước quả cầu đan bằng tre có gián dây trang kim hồng điều mô phỏng quả cầu chính trong hội. Khi rước cầu có các cô gái mặc trang phục áo dài đi bên cạnh trông rất đẹp mắt và trang trọng. Sau khi đưa cầu ra sân làm lễ xong quả cầu được mở ra và hàng chùm bóng bay với đủ màu sắc bay lên như những ước nguyện của người dân đang được gửi lên với trời.

Khi các đội vật cầu đã vào đủ vị trí: mỗi đội có năm người, một ông tổng cờ và ban chỉ đạo của giáp mình.

Đúng mười giờ sáng (giờ Thìn) một cụ già có uy tín trong làng được vinh dự đánh hồi trống đầu tiên khai hội. Tiếng trống như báo với trời đất về một cuộc sống bình an no ấm và như nhắc nhở về truyền thống hào hùng của một Kim Sơn kháng Nhật quật cường năm nào.

Hiếm một lễ hội nào ở miền Bắc còn hội tụ đầy đủ các yếu tố tín ngưỡng nông nghiệp như lễ hội vật cầu Kim Sơn. Cùng với dàn trống mô phỏng tiếng sấm là điệu múa cờ tượng trưng cho thần gió hòa hợp với rồng thiêng bảo hộ mùa màng. Trong tâm thức những người cư dân trồng lúa nước, con rồng luôn gắn liền với nghi lễ cầu mưa. Trong không khí rạo rục, náo nức của lễ hội người ta vẫn cảm nhận được mong ước rất mộc mạc của người nông dân muôn đời.

Quả cầu đặt trên mâm kiệu với tán, lọng, cờ hội, bát biểu hai hàng được rước lọng trọng từ đình ra sân cầu. tham gia rước có các vị cao niên trong làng, ông chủ tế cùng ba giáp cầu tương ứng với ba thôn là: Giáp Đượng, giáp Bắc và giáp Nam.

Sới cầu được mở ngay trước sân đình làng gồm một lỗ cầu cái (đường kính 1,5 m sâu 1 m) và ba lỗ cầu con (đường kính 0,5 sâu 0,2 m), cách đều các lỗ cầu con sát cổng chào của ba giáp.

Ông chủ tế bê quả cầu gieo xuống lỗ cầu cái bắt đầu cho phần hấp dẫn nhất của hội. Dường như chính trong phần gieo quả cầu xuống hố rất đối bình dị gọi là “lỗ cầu cái”, “lỗ cầu con” thể hiện lối tư duy thuần nông, cầu trời đất giao hòa, âm dương kết hợp và mong ước muôn đời về sự an lành mọi vật sinh sôi, nảy nở. Đây là phân biểu diễn tung hứng cầu trước khi vào vật chính thức.

Cho dù thể lệ vật truyền thống vẫn được tuân thủ chặt chẽ từ xa xưa đến nay nhưng bao giờ trước khi chính thức vật cầu, ba ông tổng cờ đều được nhắc lại luật thi đấu.

Mỗi giáp gồm 5 giai cầu, là những trai làng chưa vợ, cao lớn, khỏe mạnh và một tổng cờ với và trò làng người lãnh binh, không chỉ có uy tín họ còn là người có kinh nghiệm cầm quân trong hội vật. Mỗi ông tổng cờ như một người tướng lĩnh đang cầm quân chỉ đạo trong trận chiến.

Cuộc thi đấu quyết liệt ngay từ phút giao cầu đầu tiên với tiếng trống khi giục giã, khi hồi hả, dồn dập. Quả cầu vừa tròn vừa nặng khi ở trên tay, lúc lại rơi xuống đất luôn được các giai cầu tranh giành về giáp mình. Mỗi khi quả cầu được tung lên trên tay các giai vật là một lần khán giả hồi hộp chờ đợi, mong quả cầu được đưa về lỗ cầu quân để ghi điểm. Dù tranh cầu rất quyết liệt song bản thân mỗi giai cầu đều tuân thủ nghiêm túc luật chơi. Cuộc thi không chỉ thử sức bền dẻo dai của những người trai tráng mà còn là cuộc đọ trí thông minh và sự nhanh nhẹn tinh ý.

Cả người xem cũng cổ vũ hết mình cho đội cầu mình yêu mến. Người đến hội để được tham gia vào cuộc chơi đoàn kết gắn bó mà cũng không kém phần náo nhiệt để tận hưởng niềm vui sau bao vất vả lo toan trong cuộc sống.

Thời gian tranh cầu diễn ra trong khoảng 45 phút, chia làm ba keo và cứ sau mỗi keo vật các giáp ra sân nghỉ 5 đến 7 phút nhưng lễ hội vẫn được tiếp nối bằng các tiết mục múa rồng, múa cờ rất đẹp mắt.

Trong thời gian đó, các tông cờ lại được triệu về phía nhóm trọng tài, còn ở từng giáp cầu việc hội ý diễn ra gấp rút. Ngay ở keo thứ nhất thế mạnh, điểm yếu của các giáp đã được bộc lộ. Bên cạnh việc dùng sức vật cầu, đòi hỏi sự phối hợp ăn ý và tinh nhanh nắm bắt sơ hở của giáp đối phương nên việc tìm ra các chơi phối hợp ăn ý trong đội là điều đặc biệt quan trọng.

Theo luật chơi, giáp nào đưa được quả cầu từ lỗ cầu cái về tới lỗ cầu con thì giáp đó thắng cuộc. Tuy nhiên đã từ nhiều năm, các cuộc chơi hầu như không có chiến thắng tuyệt đối bởi việc ganh đua quyết liệt cả về trí và lực của 15 giai cầu để giành một quả cầu vù tròn vừa nặng từ lỗ cầu cái về lỗ cầu con thật không dễ dàng. Cho nên khi keo thứ ba gần tàn, quả cầu thường bị đẩy xuống ao đình mà dân gian quen gọi là lệ “tắm cầu”. Người ta tin rằng nếu lượm quả cầu đó làm thức ăn cho vật nuôi sẽ rất mau lớn. Do đó, sau lễ hội vật cầu chính vẫn còn một keo vật “phụ” để ai cũng giành được một phần quả cầu.

Cứ ba năm một lần người ta lại quần tụ về Kim Sơn để chứng kiến lễ hội vật cầu. Ba năm khoảng thời gian ấy chưa đủ tạo nên những biến cố lớn lao trong cuộc đời một người, nhưng cũng vừa để hình thành lên một lớp người mới cả về trí tuệ lẫn thể lực, từng bước thay thế hệ cha anh đảm đương việc làng, việc nước.

Khi các keo vật đã kết thúc, ban tổ chức cùng UBND xã Kim Sơn, đơn vị sở tại nơi diễn ra hội thi đã chuẩn bị bết mạc. Mỗi thiếu nữ trong trang phục áo dài ôm một bó hoa lộng lẫy cho lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã tặng chào mừng các đội vật cầu hoàn thành cuộc thi. Sau khi nhận hoa cổ vũ, các giai cầu trở về vị trí khu vực khai mạc ban đầu. Đoàn đại biểu và giới báo trí tiếp tục trở về vị trí bết mạc và trao giải cho các đội tham dự hội thi. Ban tổ chức và tổ trọng tài đưa ra nhận xét đánh giá tổng quát hội thi, tiếp đến là công bố kết quả các đội trong cuộc thi. Lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã Tân Trào đọc diễn văn bết mạc biểu dương thành tích của các

đội sau đó là phần trao thưởng và giải cho các đội do đại diện UBND huyện Kiến Thụy và thành phố Hải Phòng. Trong những năm gần đây lễ hội có thêm phần trao giải của các đơn vị tài trợ trong và ngoài thành phố tạo tinh thần động viên khích lệ nhân dân tham gia lễ hội. Cuối cùng thay mặt ban tổ chức, đồng chí trưởng ban đọc lời cảm ơn lãnh đạo, cảm ơn nhân dân, du khách và chào tạm biệt hẹn ngày lễ hội lần sau gặp lại.

Sau mỗi lần tổ chức lễ hội người dân đều có tâm trạng vui mừng, phấn khởi và lại háo hức chờ đợi ngày hội sau sẽ đến.

5. Ý nghĩa văn hóa của lễ hội

Làng Kim Sơn vốn là vùng đất ven biển, dễ chống chọi với thiên nhiên khắc nghiệt, những cơn người nơi đâu sóng ngọn gió ấy cần đến thể lực cường tráng cũng như một trí tuệ tinh thông. Tham gia hội vật cầu cũng là cách để con người được rèn luyện cả về cơ bắp lẫn trí tuệ, để họ có thêm sức mạnh trong cuộc sống. Lễ hội vật cầu Kim Sơn vì thế đâu chỉ mang ý nghĩa như một trò chơi dân gian trong tiết nông nhàn độc đáo bậc nhất miền Duyên Hải Bắc Bộ mà còn là một môn thể thao mang đậm tinh thần thượng võ.

Lễ hội vật cầu gắn liền với đời sống nông nghiệp của cư dân nông nghiệp trồng lúa nước. Ngay trong phần nghi thức gieo cầu xuống lỗ cầu cái đã thể hiện văn hóa phồn thực, cầu cho mùa vụ bội thu, chăn nuôi thuận lợi.

Từ năm 1997 trở lại đây lễ hội vật cầu Kim Sơn được khôi phục lại đã khích lệ tinh thần thượng võ, vốn văn hóa dân gian của cư dân Kim Sơn càng trở nên phong phú khích lệ nhiều mặt trong cuộc sống ngày càng phát triển như cùng nhau phấn đấu xây dựng làng văn hóa các cấp. Vật cầu chính là hình thức rèn luyện sức khỏe, thao tài binh lược. Thời bình là rèn luyện sức khỏe, cơ thể cường tráng trong lao động sản xuất và xây dựng tổ quốc, mỗi dịp lễ hội vật cầu là một lần “trao thi mạnh” thời chiến thì đem cái mạnh ra trận chiến đấu bảo vệ nước non với kẻ thù.

Lễ hội vật cầu Kim Sơn được khôi phục đã làm cho phong trào lễ hội truyền thống khác cũng được khôi phục, sống dậy thật tung bừng, phù hợp với xu thế phát triển chung. Trong điều kiện mới phát triển văn hóa truyền thống, xây dựng hệ thống giá trị vật chất, tinh thần mới, đáp ứng nhu cầu của con người, thực sự vì hạnh phúc của con người dựa trên nền tảng của những giá trị truyền thống của dân tộc.

Lễ hội vật cầu Kim Sơn được tạo ra xuất phát từ thực tế của nhân dân ngày xưa, trong quá trình phát triển quần cư hội tụ đã có những thay đổi cần thiết để có thể hội nhập với nhu cầu mới của xã hội đương đại. Từ đó tạo ra được cầu nối giữa truyền thống và hiện đại phù hợp với xu thế vận hành của văn hóa dân tộc.

Ngày hội vật cầu Kim Sơn kết hợp hài hòa giữa văn hóa truyền thống và văn hóa hiện đại tạo cho không gian lễ hội thành phố Hải Phòng một sắc thái mới. Nội dung lễ hội đã có sự cải tiến tiếp cận cái mới trên nền tảng của truyền thống dân tộc. Lễ hội gắn liền với di tích lịch sử cách mạng đình Kim Sơn. Cảnh sắc thiên nhiên tươi đẹp, cảnh nông thôn thuần phác, lũy tre làng xanh mướt tuyệt vời tạo tiền đề cho văn hóa du lịch của thành phố Hải Phòng phát triển mạnh mẽ với những nguồn tài nguyên du lịch nhân văn phong phú tăng sức hấp dẫn cho chương trình du lịch “du khảo đồng quê” một chương trình du lịch đặc sắc. Nhân dân trong và ngoài thành phố Hải Phòng về dự lễ hội vật cầu, điều đầu tiên nhận thấy là sự bày tỏ tấm lòng thành kính với thần Đông Hải đại vương Thiên Quan Vũ Muối đồng thời cũng là dịp tốt để về với vùng nông thôn ngoại thành Hải Phòng, cái nôi của truyền thống cách mạng đầu tiên tại tỉnh Kiến An cũ, từ đó tình yêu quê hương đất nước ngày càng được nhân rộng, nặng nghĩa tình quê hương.

Mỗi một lần tổ chức lễ hội là những thế hệ sau lại được ôn lại lịch sử, làm khơi dậy truyền thống yêu nước, tinh thần đấu tranh quật cường của cha ông. Từ đó giúp mọi người nhận ra giá trị văn hóa đích thực của khu di tích đình Kim Sơn và vai trò to lớn của lễ hội vật cầu, nâng cao ý thức bảo vệ, tôn tạo, giữ gìn vốn văn hóa quý báu của địa phương.

Lễ hội vật cầu Kim Sơn từ trong quá khứ đến nay đều được coi là một loại hình sinh hoạt văn hóa của cư dân đồng bằng ven biển hết sức độc đáo và hấp dẫn của huyện Kiến Thụy nói riêng và thành phố Hải Phòng nói chung. Và trong thực tế mỗi lễ hội đều có mặt tích cực và hạn chế:

Mặt tích cực của lễ hội thể hiện sự phát lộ các ý thức tín ngưỡng, ký ức cộng đồng và ký ức văn hóa của mỗi dân tộc. Mặt khác lễ hội là một bộ phận tạo lên những ký ức đó, chúng tồn tại trong di sản văn hóa vật thể và phi vật thể. Hiện nay việc bảo vệ các di sản văn hóa vật thể đã khó nhưng việc bảo vệ các di sản văn hóa phi vật thể lại đứng trước thách thức lớn.. Ký ức văn hóa được gìn giữ, bức tranh tự họa của mỗi dân tộc được thể hiện có nghĩa là bản sắc văn hóa dân tộc và truyền thống dân tộc đang được bảo tồn, gìn giữ.. Dân Kim Sơn thông qua lễ hội đang nỗ lực gìn giữ và phát huy một cách tích cực ký ức văn hóa của mình như một tiềm năng lớn cho sự phát triển văn hóa nói riêng và kinh tế xã hội của đất nước nói chung. Lễ hội thực sự sống động đã đáp ứng nhu cầu thực tế tinh thần của nhân dân, lưu truyền và bảo tồn các nét đặc sắc của đời sống xã hội trong quá khứ, đồng thời những yếu tố hiện đại cũng dần được hội nhập vào lễ hội làm cho lễ hội thêm sức sống mới được công chúng đón nhận một cách đầy hào hứng.

Tiểu kết chương 2

Lễ hội vật cầu Kim Sơn là một lễ hội dân gian mang đậm bản sắc của nền nông nghiệp lúa nước. Gắn với mảnh đất bãi bồi ven sông Văn Úc (làng Kim Sơn) từ xưa vật cầu đã được tổ chức như một trò chơi dân gian để rèn luyện sức khỏe, đi kèm với nó là các nghi lễ, nghi thức linh thiêng tạo nên một lễ hội vật cầu vừa mang giá trị về mặt tín ngưỡng vừa mang giá trị tinh thần vui vẻ như ngày nay. Phần lễ mang tính linh thiêng được cử hành một cách trang trọng và chu đáo, phần hội vui vẻ tung bừng với trò vật cầu lôi cuốn, thu hút người xem. Ngoài ra đan xen vào giữa phần vật cầu là các màn múa cờ, múa rồng rất đẹp mắt tạo sự phong phú cho lễ hội. Thêm vào đó lễ hội vật cầu gắn liền với địa danh Kim Sơn một thời hào

hùng với phong trào kháng Nhật đã tạo sức hút với du khách thập phương. Việc khai thác lễ hội vật cầu để phát triển du lịch là rất cần thiết.

CHƯƠNG 3

KHAI THÁC LỄ HỘI VẬT CẦU KIM SƠN PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN
DU LỊCH HUYỆN KIẾN THỤY

1. Thực trạng khai thác lễ hội vật cầu Kim Sơn

Là một quốc gia đa văn hóa, đa sắc tộc, có quá trình lịch sử dựng nước và giữ nước lâu đời, với truyền thống uống nước nhớ nguồn, tôn sư trọng đạo nên nước ta đến nay vẫn bảo tồn được nhiều lễ hội trong đó có nhiều lễ hội lớn như Hội Lim, hội chọi trâu Đồ Sơn, lễ hội đèn Hùng... Các lễ hội bao gồm phần lễ và phần hội mỗi phần có cách tổ chức và mang những ý nghĩa riêng biệt.

Do là quốc gia có nền văn hóa nông nghiệp gắn liền với tự nhiên. Đồng thời suốt quá trình lịch sử nước ta liên tục trông giặc ngoại xâm, nền văn hóa nước ta còn có đặc điểm đa thần, nhớ ơn tổ tiên... Vì vậy nhiều lễ hội của nước ta phần lễ diễn ra khá long trọng trước phần hội, chiếm nhiều thời gian trong lễ hội, tạo không khí trang nghiêm, linh thiêng, huyền ảo của lễ hội. Phần hội thường diễn ra sau, thời gian ngắn hơn và thường tổ chức biểu diễn thi trò chơi dân gian, thi sản xuất nghề, biểu diễn văn nghệ truyền thống và nhiều trò chơi khác.

Lễ hội vật cầu Kim Sơn có lịch sử phát triển khá lâu đời, từ thời xa xưa khi đất nước còn chống giặc ngoại xâm và vẫn được lưu truyền cho đến tận ngày nay. Một câu hỏi được đặt ra là tại sao một lễ hội nhỏ như lễ hội vật cầu Kim Sơn lại có sức sống bền bỉ với thời gian như vậy?

Có thể nói lễ hội vật cầu Kim Sơn tồn tại được là do nó mang đậm nét văn hóa của vùng miền Duyên Hải Bắc Bộ, gắn liền với đời sống của người dân nông nghiệp. Lễ hội ra đời từ trong lao động sản xuất và kháng chiến. Đến ngày nay, lễ hội vẫn còn tồn tại và ngày càng được quan tâm, giữ gìn và phát triển hơn nữa.

Lễ hội vật cầu Kim Sơn là một lễ hội đặc sắc, đậm đà văn hóa truyền thống. Nó gắn liền với đời sống của người dân địa phương vì thế mà dân gian còn có câu:

“Ba năm không hội vật cầu

Làng Kim con gái mang bầu ra đi”

Lễ hội vật cầu có ý nghĩa rất lớn đối với người dân làng Kim Sơn. Vào năm tổ chức lễ hội, mỗi độ xuân về là người dân Kim Sơn nói riêng và toàn thể nhân dân xã Tân Trào nói chung lại háo hức đợi mong, nô lực chuẩn bị cho lễ hội vật cầu, hòa vào niềm vui chào xuân mới. Đường làng ngõ xóm được quét dọn sạch sẽ, hệ thống băng zôn khẩu hiệu cũng được treo lên để chào mừng ngày hội. Cách xa cổng làng hàng trăm mét đã có những lá cờ hội phấp phới tung phay báo hiệu một ngày hội lớn rất đẹp mắt.

Ngày xưa việc tổ chức lễ hội chỉ diễn ra trong phạm vi làng. Nhưng ngày nay, được sự quan tâm của các ban ngành, địa phương và chủ trương lãnh đạo bảo tồn lễ hội truyền thống của Đảng và nhà nước, lễ hội vật cầu được chuẩn bị rất chu đáo, xóa bỏ những thủ tục rườm rà, hủ tục để thay vào đó là những quy định mới văn minh và hợp lí hơn: Nếu khi xưa những người trong ban tế lễ của làng phải là những người có chức tước trong làng thì ngày nay họ là những người có uy tín, được mọi người yêu mến, tín nhiệm bầu ra.

Lễ hội vật cầu Kim Sơn ngày nay được mọi người biết đến nhiều hơn qua hệ thống thông tin truyền thông ti vi, đài, báo. Vào ngày tổ chức lễ hội, trên kênh truyền hình Hải Phòng đã trực tiếp phát sóng lễ hội vật cầu Kim Sơn trong niềm hân hoan chào đón của mọi người. Qua đó mà mọi người không chỉ ở các xã lân cận biết đến lễ hội mà nhiều tỉnh thành trong cả nước cũng biết đến lễ hội.

Hội Vật cầu mang đậm màu sắc huyền thoại, nhưng cái thực ở đây hàm chứa là bản sắc văn hoá dân tộc, mỗi năm lôi cuốn hàng ngàn du khách vào cuộc vui ồn ã, bắt tận. Nhận được giá trị của lễ hội chính quyền địa phương đã đầu tư tu bổ khu di tích đình Kim Sơn cùng với việc khôi phục và phát triển, mở rộng quy mô của lễ hội để nhân dân mọi nơi biết đến lễ hội và về tham dự. Việc chuẩn bị lễ hội chu đáo hơn, có sự tham gia của các ban ngành như của lực lượng công an đảm bảo cho lễ hội diễn ra an toàn, lành mạnh, có sự tham gia của giới báo chí... Chính vì vậy mà sức lan truyền của hội vật cầu ngày càng rộng.

Tuy nhiên việc đưa lễ hội vào khai thác phục vụ cho du lịch vẫn chưa được quan tâm thực hiện. Việc tổ chức lễ hội vẫn chỉ là để bảo tồn văn hóa địa phương, gìn giữ nét đẹp truyền thống của dân tộc.

2. Đánh giá việc khai thác lễ hội vật câu Kim Sơn phục vụ cho du lịch

2.1. Tác động tích cực

Trong tất cả các loại hình văn hóa thì lễ hội là một sinh hoạt tổng hợp bao gồm các mặt tinh thần và vật chất, tôn giáo, tín ngưỡng và văn hóa nghệ thuật, linh thiêng và đời thường. Ngoài ra, lễ hội còn là một hình thức sinh hoạt văn hóa cộng đồng đặc biệt, có sức hấp dẫn và lôi cuốn các tầng lớp trong xã hội, trở thành một nhu cầu, một món ăn tinh thần không thể thiếu trong đời sống văn hóa của con người. Đó là loại hình văn hóa phi vật thể nhằm cố kết cộng đồng gắn bó chặt chẽ, thể hiện những khát khao vươn lên trong đời sống được giữ gìn từ đời này sang đời khác. Đồng thời, lễ hội cũng là một sinh hoạt văn hóa nghệ thuật mà trong đó vừa thể hiện sự nghiêm trang, cẩn trọng trong các nghi lễ vừa vui vẻ, hòa đồng trong các nghi thức hội hè. Trong thời điểm lễ hội, mọi người đều hướng về cái thiêng, cái thiện. Văn hoá lễ hội từ đây mà hình thành. Vì thế có thể nói lễ hội có một vị trí quan trọng trong cuộc sống văn hóa tinh thần của con người là một sinh hoạt văn hóa không thể thiếu trong cuộc sống xã hội.

Ngày nay, cùng với sự phát triển nhanh chóng của khoa học kỹ thuật, nhu cầu hưởng thụ của con người không ngừng nâng lên. Trong đó nhu cầu về du lịch ngày càng lớn và đa dạng hơn. Hoạt động du lịch đã chuyển từ chỗ ban đầu là kinh tế dịch vụ nhằm thỏa mãn nhu cầu nghỉ ngơi, vui chơi của con người, dần dần trở thành một bộ phận trong hoạt động không thể thiếu được của đời sống văn hóa tinh thần. Đối với du lịch văn hóa, các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể, trong đó có lễ hội là cơ sở quan trọng để hình thành những chương trình du lịch. Chính vì vậy, giữa văn hóa và du lịch luôn có quan hệ gắn bó chặt chẽ và tác động chi phối lẫn nhau. Đó là việc bảo tồn - tôn tạo giá trị văn hóa nói chung, lễ hội nói riêng và việc đưa lễ hội vào khai thác phục vụ phát triển du lịch và du lịch văn hóa.

Việc khai thác lễ hội vật cầu Kim Sơn vào hoạt động du lịch sẽ có ảnh hưởng trực tiếp tới đời sống của người dân địa phương và chính quyền sở tại:

Khách du lịch sẽ làm thay đổi một phần diện mạo của lễ hội, tăng tính thu hút, hấp dẫn của lễ hội, góp phần làm xóa đi sự nhàm chán, đơn điệu của lễ hội tại địa phương. Từ đó sẽ đem đến cho địa phương nguồn lợi kinh tế, tạo việc làm cho người dân nơi đây thông qua dịch vụ như vận chuyển khách, trông giữ xe, bán hàng hóa - đồ lưu niệm, phục vụ lưu trú và ăn uống... Nền kinh tế địa phương của làng Kim Sơn sẽ phát triển hơn nhờ có du lịch, đóng góp vào ngân sách chung của đất nước.

Nguồn thu từ du lịch có thể giúp tu bổ di tích đình Kim Sơn, đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch ở địa phương. Và quy mô của lễ hội sẽ ngày càng được mở rộng vì có sự đầu tư, ngày càng thu hút du khách về với lễ hội nhiều hơn. Nó tạo nên tính bền vững trong việc phát triển lễ hội.

Nội dung trong lễ hội vừa quảng bá hình ảnh về văn hóa, về đời sống mọi mặt của địa phương. Thông qua lễ hội và mọi người biết đến Kim Sơn nhiều hơn không chỉ với ý nghĩa là một địa danh xưa kia đã từng được nhiều người biết đến qua phong trào kháng Nhật mà còn là nơi diễn ra lễ hội vật cầu rất hấp dẫn. Việc tổ chức lễ hội có ý nghĩa gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống, nâng cao lòng yêu nước, tự hào dân tộc và ý thức giữ gìn di sản của nhân dân địa phương.

Ngày lễ hội là dịp để người dân địa phương giao lưu, học hỏi các tinh hoa văn hóa đem đến từ phía du khách. Trong ngày lễ hội du khách được tham gia vào các trò chơi vui nhộn trong phần hội. Từ đó có sự giao lưu học hỏi những cái hay, cái mới lạ mà du khách mang đến.

2.2. Tác động tiêu cực

Tuy nhiên, bên cạnh những tác động tích cực còn có những tác động tiêu cực của lễ hội đến du lịch và ngược lại với thời gian và không gian hữu hạn của các lễ hội truyền thống vốn chỉ phù hợp với điều kiện riêng của các địa phương. Thực tế

cho thấy, khai thác du lịch tới đâu sẽ làm ảnh hưởng, thay đổi, đôi khi làm đảo lộn các hoạt động bình thường của những nơi có tổ chức lễ hội. Du khách với nhiều thành phần, lại là những người có điều kiện và nhu cầu khác nhau, hoạt động của họ có thể tác động không nhỏ đến tình hình trật tự an toàn xã hội nơi có lễ hội. Nếu không tổ chức, điều hành, quản lý lễ hội chu đáo sẽ dẫn đến sự lộn xộn trong quản lý, điều hành xã hội.

Mặt khác, hoạt động du lịch với những đặc thù riêng có của nó dễ làm biến dạng các lễ hội truyền thống, vì lễ hội truyền thống dù có đặc tính mở tính vẫn có những hạn chế nhất định về điều kiện kinh tế, văn hóa - xã hội cổ truyền, vốn chỉ phù hợp với một khuôn mẫu và không gian bản địa. Cho nên, khi hoạt động du lịch mang tính liên ngành, liên vùng và xã hội hóa cao... sẽ làm mất sự cân bằng, dẫn tới sự phá vỡ các khuôn mẫu truyền thống của địa phương trong quá trình diễn ra lễ hội. Hiện tượng thương mại hóa các hoạt động lễ hội, chèo kéo, bắt chẹt khách để thu lợi tạo hình ảnh xấu, gây tâm lý ức chế cho du khách, làm giảm khách đến lễ hội lần sau.

Du khách đến lễ hội kéo theo những nhu cầu khác nhau, tạo sự mất cân đối trong quan hệ cung cầu, dễ dẫn đến ô nhiễm môi trường sinh thái tự nhiên và môi trường sinh thái nhân văn. Bản sắc vùng miền có nguy cơ bị “mờ” do kết quả của sự giao thoa văn hóa thiếu lành mạnh không thể tránh khỏi đem đến từ phía một bộ phận du khách. Để du lịch văn hóa có sự phát triển đồng bộ và toàn diện thì việc chia sẻ quyền lợi và trách nhiệm phải được đặt lên hàng đầu. Một điều đáng lưu ý ở đây là quyền lợi của các cộng đồng cư dân có những giá trị văn hóa ấy phải được coi trọng và đặc biệt là phải được hưởng lợi qua các sản phẩm du lịch ấy. Có như vậy họ mới thấy giá trị của mình và nhiệt tình tham gia vào các hoạt động văn hóa du lịch, góp phần bảo tồn và phát huy được những giá trị văn hóa trong đó có lễ hội.

3. Giải pháp khai thác lễ hội vật cầu Kim Sơn hiệu quả để phục vụ du lịch huyện Kiến Thụy

3.1. Tu bổ, cải tạo di tích đình Kim Sơn

Mỗi một lễ hội gắn liền với một địa danh nhất định và mang ý nghĩa riêng biệt. Lễ hội vật cầu Kim Sơn gắn liền với vùng đất bãi ở cửa sông Văn Úc, trước cửa sân đình Kim Sơn có thể đất hình con nhận linh thiêng. Đây là một vùng quê yên bình có những cánh đồng phì nhiêu được phù sa của con sông Văn Úc bồi lắng, nơi có truyền thống bắt hủ về thời vương triều Mạc dựng nước. Địa danh Kim Sơn gắn liền với phong trào kháng Nhật hào hùng một thời oanh liệt.

Xưa kia thôn Kim Sơn là xã Kim Sơn có hai thôn là thôn Đượng và thôn Đoài thuộc tổng Cổ Trai huyện Nghi Dương phủ Kiến Thụy tỉnh Kiến An. Có hai ngôi đình là đình Đượng và đình Đoài. Hai đình đều thờ thành hoàng làng Đông Hải Đại Vương Thiên Quan Vũ Muối và có kiến trúc như nhau gồm 5 gian tiền đường là nơi tế lễ, hội họp và hậu cung nơi thờ phụng của đình Đoài lớn hơn đình Đượng. Hiện tại chỉ còn lại hậu cung của ngôi đình Đượng, trong khu di tích ngôi đình mang nhiều dấu ấn lịch sử, là nơi thành lập ủy ban cách mạng lâm thời, ủy ban kháng chiến của Việt Minh vùng Duyên Hải bắc bộ, ủy ban dân tộc giải phóng thành lập 12 tháng 07 năm 1945, đã được cấp bằng công với nước nay thuộc di tích lịch sử Kim Sơn – Tân Trào – Kiến Thụy – Hải Phòng. Là nơi thờ thần Nam Hải Đại Vương Thiên Quan Vũ Muối. Hiện nay có tài liệu ghi chép thành hoàng có sắc phong của 2 chiều vua Nguyễn là Khải Định, Bảo Đại. Thành hoàng theo sắc phong là Đông Hải Đại Vương – Thiên Quan Vũ Muối. Tất cả sắc phong câu đối, đại tự đều bị phá hủy trong kháng chiến chống Pháp nên không còn tài liệu nào nói về tiểu sử của thành hoàng làng. Đình được nhân dân khởi công xây dựng vào thế kỷ XIX và được xây dựng vào năm 1922 (Nhâm tuất). Nay còn lại hậu cung, 5 gian tiền đường bị phá không còn nữa. Bên cạnh hậu cung còn có nhà Hội đồng kỳ mục hay còn gọi là Hội đồng tộc biểu. Cùng với nhà truyền thống của làng xã, đình được xếp hạng là di tích lịch sử cách mạng cấp quốc gia năm 2005. Tài sản của

đình hiện còn giữ được là 19 hiện vật đã được thành phố lập hồ sơ hiện vật di tích quốc gia bao gồm:

- 1 Đao mang (có giữa thế kỷ XVIII)
- 2 Mâm mịch (cuối thế kỷ XIX)
- 3 Câu liêm (cuối thế kỷ XIX)
- 4 Bát biểu (cuối thế kỷ XIX)
- 5 Roi (giữa thế kỷ XIX)
- 5 Việt (thế kỷ XIX)
- 7 Sừng hươu (thế kỷ XIX)
- 8 Giáo (thế kỷ XIX)
- 9 Bát hương sứ (thế kỷ XIX)
- 10 Roi 2 chiếc (thế kỷ XIX)
- 11 Bia đá (năm 1922)
- 12 Trường đao (đầu thế kỷ XX)
- 13 Nhang án ÔSA (đầu thế kỷ XX)
- 14 Long đình (đầu thế kỷ XX)
- 15 Nhang án (đầu thế kỷ 20)
- 16 Trường đao (đầu thế kỷ XX)
- 17 Cuốn thư (Dục Sơn Xuyên Tú) đầu thế kỷ XX.

Đình làng là nơi sinh hoạt của cộng đồng, hội họp tế lễ. Ngày xưa nhân dân hai làng thường tổ chức lễ hội vật cầu từ ngày 05 tháng Giêng đến ngày 17 tháng giêng âm lịch. Ngày nay, trong xu thế công nghiệp hóa, hiện đại hóa, những thủ tục rườm rà được xóa bỏ, lễ hội được tổ chức vào ngày mùng 06 tháng Giêng âm lịch.

Khu di tích đình làng đã bị chiến tranh tàn phá nặng nề, khuôn viên của khu di tích bị thu hẹp do một số người dân chiếm dụng đất làm nhà ở. Đến đầu những năm 70 khu di tích đình làng đã được sửa sang khôi phục lại. Tuy nhiên do đời sống còn nghèo nàn, sự đóng góp của nhân dân chỉ khôi phục được phần nào không gian di tích, các công trình kiến trúc còn nhỏ hẹp chưa tương xứng với

không gian ngày xưa. Để tạo ra một không gian phù hợp và duy trì lễ hội vật cầu trở thành lễ hội vùng Duyên hải bắc bộ. Nhằm đáp ứng nguyện vọng của đông đảo quần chúng nhân dân căn cứ vào quyết định của ủy ban nhân dân Kiến Thụy và thành phố Hải Phòng, nhân dân có thể từng bước tái tạo lại các công trình kiến trúc đúng vị trí ngày xưa để không gian lễ hội rộng rãi hơn, thông thoáng hơn, tạo cảm giác sáng khoái, hứng khởi cho người xem, thu hút mật độ du khách ngày càng cao. Việc tu bổ ở đây là rất cần thiết, thêm vào đó là phải có chính sách bảo tồn các hiện vật quý báu trong đình để tránh sự mai một, thất thoát. Khuôn viên của khu di tích cần giữ sạch sẽ. Có thể trồng cây xanh hai bên đường dẫn vào khu di tích hay sân vật cầu tạo không khí thoáng đãng, mát mẻ, trong lành hơn.

3.2. Giải pháp tuyên truyền, quảng bá cho phát triển du lịch

Việc tuyên truyền, quảng bá và quảng cáo về du lịch huyện Kiến Thụy là điều rất nên làm. Các thông tin không chính thức qua kinh nghiệm và truyền khẩu của du khách được đánh giá là nguồn tin chính để khách du lịch biết đến các điểm tham quan du lịch. Nhiều điểm du lịch hấp dẫn vẫn chưa được nhiều du khách biết đến do sự tuyên truyền, giới thiệu về sản phẩm, tài nguyên du lịch của địa phương còn yếu kém. Vậy vấn đề bức thiết đặt ra ở đây là phải có sự đầu tư quảng bá hình ảnh của các tài nguyên du lịch của địa phương.

Vật cầu Kim Sơn cũng là một tài nguyên du lịch văn hóa chưa được khai thác nhiều để phục vụ cho du lịch. Để mọi người biết đến lễ hội này địa phương cần có những chính sách tích cực hơn để giới thiệu, quảng cáo những hình ảnh sống động về lễ hội đến bạn bè mọi nơi. Việc tổ chức đưa lễ hội vật cầu Kim Sơn chính thức là một hoạt động văn hóa thể thao phục vụ nhân dân trong dịp đầu năm mới là một chủ chương rất đúng đắn. Tuy nhiên đối tượng vận động viên tham gia lễ hội hiện nay mới chỉ là vận động viên của các xóm tự phát trong làng Kim Sơn. Phải chăng vì điều kiện kinh phí khó khăn, vì công tác tuyên truyền lễ hội này chưa sâu, nhận thức của các đơn vị chưa rõ ràng. Do đó khả năng tham gia của các đơn vị còn nhiều hạn chế. Bởi vậy để lễ hội xứng đáng là lễ hội của vùng miền cần có

sự tham gia của các ban ngành, ủy ban nhân dân thành phố. Từ thực tế cho thấy đây là điều rất cần thiết vì Ủy ban nhân dân thành phố có thể huy động được các đơn vị trong địa bàn tập trung tổ chức phục vụ lễ hội đạt hiệu quả tối ưu. Hội vật cầu Kim Sơn đã trở thành hội thượng võ, ngày hội văn hóa của nhân dân trong vùng đồng bằng ven biển. Lễ hội cần được bảo tồn và phát huy trong nhận thức về văn hóa của dân tộc. Để lễ hội đi sâu vào nhận thức và hiểu biết của nhân dân thì việc khai thác lễ hội vào hoạt động du lịch là rất cần thiết. Khi đó người dân sẽ tìm đến lễ hội để chung vui và từ đó nhận thức, cảm nhận được nét đẹp trong văn hóa dân gian của dân tộc. Như vậy lễ hội đã được đi sâu vào trong tâm thức của người dân. Và để làm được điều đó cần sự cố gắng rất nhiều của địa phương trong việc tuyên truyền quảng bá hình ảnh của lễ hội. Có thể đưa hình ảnh tổ chức lễ hội và những bài viết có chiều sâu phân tích về lễ hội lên các trang web để cư dân mạng biết đến lễ hội vật cầu Kim Sơn, đồng thời tuyên truyền quảng bá lễ hội trên các phương tiện thông tin đại chúng như đài, báo, ti vi. Việc phát sóng trực tiếp lễ hội trong năm 2010 vừa qua là rất đúng đắn, cần thiết và cần được phát huy.

Đây mạnh hạt động quảng cáo tiếp thị cho du lịch địa phương, có những chính sách marketing cụ thể. Đây mạnh công tác tuyên truyền quảng cáo du lịch, in các ấn phẩm giới thiệu về di tích và lễ hội một cách cụ thể và hấp dẫn hơn.

Thêm vào đó cần các cấp lãnh đạo có những chủ trương chính sách hợp lý giúp lễ hội ngày càng phát triển vươn lên quy mô lớn, cấp huyện, thành phố. Đầu tư cải thiện hệ thống giao thông: Tuy nằm gần thành phố nhưng điều kiện giao thông và hạ tầng còn kém. Nhiều đoạn đường nhỏ, xe ô tô chở khách du lịch vào rất khó khăn, thậm chí là lún hết đường gây trở ngại cho các phương tiện khác tham gia giao thông. Đồng thời cũng đầu tư hơn nữa xây dựng kết cấu hạ tầng như cấp thoát điện nước, xử lý môi trường.

3.3. Đào tạo nguồn nhân lực du lịch

Hiện nay, nguồn lao động trong lĩnh vực du lịch của huyện Kiến Thụy tương đối đông, tuy nhiên số lao động qua đào tạo còn thấp, nghiệp vụ du lịch còn yếu.

Dó đó để phát triển nguồn nhân lực trong những năm tới huyện cần thường xuyên tiến hành điều tra, đánh giá, phân loại trình độ nghiệp vụ của toàn bộ nhân viên trong ngành của địa phương. Dựa trên kết quả điều tra tiến hành xây dựng kế hoạch đào tạo cụ thể các cấp độ khác nhau theo các chuyên ngành khác nhau cho phù hợp.

Tổ chức đào tạo lại đội ngũ cán bộ công nhân viên ngành du lịch dưới nhiều hình thức: đào tạo tại chỗ, gửi đến các trường dạy nghề du lịch, các khoa học tại chức ngắn hạn, dài hạn hoặc thường xuyên tổ chức các hội thảo về du lịch, các cuộc thi chuyên môn, tay nghề để trao đổi kinh nghiệm, chuyên môn nghiệp vụ giữa các nhân viên. Đồng thời cần đưa các chương trình đào tạo du lịch vào trương dạy nghề của huyện. Trong kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực du lịch cần nêu rõ những yêu cầu giáo dục đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng phục vụ, trình độ ngoại ngữ, thái độ văn minh lịch sự, thân thiện cởi mở, nhiệt tình trong công việc, yêu nghề, biết trân trọng những giá trị truyền thống dân tộc, bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó huyện cần thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các chính sách tuyển dụng, sắp xếp, sử dụng, đãi ngộ lao động, từng bước trẻ hóa đội ngũ lao động, ưu tiên sử dụng trí thức, những người đã qua đào tạo, thực hiện chế độ ưu đãi, khen thưởng đối với những nhân viên và cán bộ nhiệt tình, hoàn thành tốt công việc.

Thu hút cộng đồng địa phương tham gia vào hoạt động du lịch như kinh doanh ăn uống, lưu trú, hàng lưu niệm... Có các cơ chế chính sách ưu tiên, tuyển dụng và đào tạo lao động vào các hoạt động du lịch là người địa phương là một nguyên tắc để phát triển du lịch bền vững.

3.4. Nâng cao ý thức của người dân về du lịch

Nâng cao ý thức của người dân thành phố và huyện về du lịch là vấn đề hết sức cấp bách, thường xuyên và lâu dài. Bởi nhờ có ý thức tốt, nhận thức đúng thì hoạt động của nhân dân sẽ nhằm mục đích bảo vệ, giữ gìn và phát triển không chỉ cho du lịch nói chung mà cho toàn thành phố nói chung.

Cộng đồng địa phương chính là những người chủ sở hữu các nguồn tài nguyên thiên nhiên và văn hóa bản địa. Họ hơn ai hết là những người hiểu rõ nhất về các nguồn tài nguyên của mình. Sự tham gia của cộng đồng địa phương vào bảo vệ tài nguyên, môi trường tại các điểm du lịch có vai trò then chốt trong việc phát triển du lịch. Nó được thể hiện ở chỗ sự tham gia của cộng đồng địa phương một mặt giúp họ nhận thức được vai trò của họ trong việc bảo vệ tài nguyên môi trường, đồng thời có tác dụng to lớn trong việc giáo dục du khách có hành vi và ứng xử thân thiện với môi trường. Từ kinh nghiệm thực tiễn của nhiều địa phương trong nước và quốc tế cho thấy, công tác bảo vệ môi trường chỉ thành công khi huy động được sự tham gia của tất cả các ngành, các cấp, tổ chức quần chúng, cơ quan, đơn vị và mỗi người dân. Sự tham gia của các lực lượng xã hội sẽ tạo ra tiếng nói đồng thuận, tạo dư luận xã hội và tạo thêm nguồn lực cho các địa phương thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ môi trường. Đối với hoạt động du lịch tại các khu vực dân tộc và miền núi – nơi sự nhận thức của người dân về môi trường còn hết sức hạn chế, vận động cộng đồng tham gia vào bảo vệ môi trường càng có ý nghĩa thiết thực và vô cùng quan trọng.

Để nâng cao nhận thức của người dân về phát triển du lịch và bảo vệ môi trường trong phát triển du lịch cần phải:

- Cung cấp cho người dân đầy đủ thông tin về những tác động nhiều chiều của hoạt động du lịch bao gồm cả tác động tích cực và tiêu cực.

- Đảm bảo sự tham gia của người dân vào hoạt động du lịch từ khi lập kế hoạch, xây dựng kế hoạch đến việc thực hiện, giám các kế hoạch về du lịch. Việc làm này không những có tác dụng giảm áp lực của cộng đồng địa phương đối với môi trường tài nguyên do việc khai thác cho cuộc sống, sinh hoạt mà còn tạo cơ hội cho người dân có việc làm, thu nhập; hơn nữa lại giúp người dân có tinh thần trách nhiệm cao hơn với môi trường và tài nguyên khu vực.

- Tổ chức các lớp tập huấn, tham quan học hỏi kinh nghiệm dưới sự giúp đỡ của các bộ, ban, ngành, các tổ chức phi chính phủ về môi trường và bảo vệ môi

trường trong lĩnh vực du lịch, du lịch cộng đồng. Các cá nhân tham gia các lớp tập huấn này phải có trách nhiệm truyền đạt và phổ biến các nội dung đã được tập huấn tới cộng đồng và địa phương của mình.

- Tổ chức các câu lạc bộ xanh cho cộng đồng địa phương. Các câu lạc bộ này khuyến khích sự tham gia của người dân địa phương vào tìm học tập, tìm hiểu về thiên nhiên-môi trường và tham gia thực hiện các hoạt động nhằm bảo vệ môi trường khu vực. Các hoạt động của mô hình câu lạc bộ xanh tạo cơ hội cho người dân được học về môi trường, trong môi trường, và vì môi trường. Các câu lạc bộ này đặc biệt thích hợp đối với các em nhỏ tại địa phương.

- Thành lập đội tự quản vệ sinh môi trường du lịch, hoạt động bằng kinh phí trích góp từ hoạt động du lịch. Đội tự quản này có trách nhiệm kiểm tra, giám sát, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, vận động các vấn đề về môi trường và môi trường du lịch.

Từ đó hình thành nên ý thức tự giác giữ gìn các sản vật văn hóa của người dân địa phương. Trước kỳ lễ hội nhân dân trong làng cũng có ý thức quét dọn đường làng ngõ xóm cho sạch sẽ, phong quang. Đó là sự tự giác trong ý thức của người dân và ý thức ấy cần được nâng cao hơn nữa và lan rộng ra cả cộng đồng.

3.5. Tổ chức nhiều trò chơi hấp dẫn lôi cuốn cho phần hội thêm phong phú

Tại lễ hội vật cầu Kim Sơn vật cầu là trò chơi chính, ngoài ra còn một số tiết mục như múa cờ và múa rồng. Tuy nhiên phần hội vẫn còn hơi đơn điệu do người dân ít được tham gia vào hội thi. Vậy để cho phần hội thêm phần phong phú và hấp dẫn du khách thì nên có thêm những trò chơi mới như:

- Kéo co

Tục kéo co ở mỗi nơi có những lối chơi khác nhau, nhưng bao giờ số người chơi cũng chia làm hai phe, mỗi phe cùng dùng sức mạnh để kéo cho được bên kia ngã về phía mình. Có khi cả hai bên đều là nam, có khi bên nam, bên nữ. Trong trường hợp bên nam bên nữ, dân làng thường chọn những trai gái chưa vợ chưa chồng.

Một cột trụ để ở giữa sân chơi, có dây thừng buộc dài hay dây song, dây tre hoặc cây tre, thường dài khoảng 20m căng đều ra hai phía, hai bên xúm nhau nắm lấy dây thừng để kéo. Một vị chức sắc hay bô lão cầm trịch ra hiệu lệnh. Hai bên ra sức kéo, sao cho cột trụ kéo về bên mình là thắng. Bên ngoài dân làng cổ vũ hai bên bằng tiếng "dô ta", "cố lên".

Có nơi người ta lấy tay người, sức người trực tiếp kéo co. Hai người đứng đầu hai bên nắm lấy tay nhau, còn các người sau ôm bụng người trước mà kéo. Đang giữa cuộc, một người bên nào bị đứt dây là thua bên kia. Kéo co cũng kéo ba keo, bên nào thắng liền ba keo là bên ấy được.

- Đánh cờ tướng: Có thể bày một vài bàn cờ tướng để thi tài của những người tham gia lễ hội, ai giải được thế cờ khó bày ra thì sẽ được nhận thưởng.

Ngoài ra cũng có thể tổ chức một số trò chơi khác cho phần hội thêm phần phong phú và hấp dẫn người xem.

3.6. Một số kiến nghị

Trong những năm gần đây văn hóa lễ hội truyền thống được khôi phục cả về bề rộng lẫn chiều sâu đã gây được sự quan tâm của toàn xã hội. Những kinh nghiệm quý báu cả cái tốt lẫn cái chưa tốt sẽ giúp cho các nhà quản lý về văn hóa - xã hội, các cấp chính quyền địa phương có kế hoạch chỉ đạo thống nhất và phù hợp. Trước khi nhà nước ban hành các quy chế hoặc luật định thì ý kiến của các nhà văn hóa về vấn đề này cũng đã được các cấp và các ngành có liên quan tham khảo. Nếu có sự phối hợp thường xuyên giữa các cơ quan quản lý với các cơ quan nghiên cứu khoa học, đồng thời mở các cuộc hội thảo về văn hóa lễ hội truyền thống từ thành phố đến địa phương.

Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng tiếp tục đầu tư kinh phí cho các đội vật cầu tập luyện đúng cách để quy mô lễ hội thêm lớn. Đầu tư kinh phí để cải tạo các hạng mục, khuôn viên của quần thể di tích đình Kim Sơn đáp ứng quy mô tổ chức ngày càng lớn của lễ hội, nâng tầm lễ hội trở thành lễ hội vùng đất cư dân ven biển Đông Bắc.

Khuyến khích các nhà đầu tư, các thành phần kinh tế trong và ngoài nước, nhất là các kiều bào quê hương Kiến Thụy đầu tư tại vùng cửa sông thêm đẹp hơn.

Cấp kinh phí và khuyến khích các công trình khoa học nghiên cứu về lễ hội vật cầu Kim Sơn, nghiên cứu về tiềm năng văn hóa du lịch vùng ven biển. Trên cơ sở đó lựa chọn những phương án khả thi để bảo tồn lễ hội và khơi dậy tiềm năng văn hóa của vùng đất lịch sử này.

Khuyến khích việc đóng góp, đầu tư tu bổ khu di tích đình Kim Sơn.

Chủ chương của nhà nước ta trong thời kỳ mới là phát triển tiềm năng du lịch của đất nước, của mỗi vùng miền theo hướng du lịch văn hóa, sinh thái môi trường. Trên cơ sở đó đưa hoạt động lễ hội văn hóa và du lịch vào sẽ mở ra một hướng đi có nhiều triển vọng trong việc bảo tồn và phát huy giá trị của lễ hội truyền thống, lễ hội vật cầu Kim Sơn rất có tiềm năng hòa nhập vào xu thế này.

Tiểu kết chương 3

Lễ hội vật cầu Kim Sơn là một lễ hội mang nét đặc trưng của văn hóa đồng bằng Châu thổ sông Hồng, rất có tiềm năng để phát triển du lịch văn hóa. Trong xu thế phát triển chung của thời đại thì việc khai thác các lễ hội để phát triển du lịch là rất cần thiết. Những nét văn hóa truyền thống cần được kế thừa và phát huy một cách có chọn lọc. Chính vì vậy việc tìm hiểu để phát hiện ra những nét đẹp trong văn hóa lễ hội và những điểm hạn chế cần khắc phục là rất cần thiết. Lễ hội vật cầu Kim Sơn cũng nằm trong xu thế vận động chung của thời đại. Lễ hội này rất cần tạo dựng một mô hình mới phù hợp với không gian văn hóa chung và có thể khai thác tốt phục vụ phát triển du lịch.

KẾT LUẬN

Kiến Thụy là một huyện có tài nguyên du lịch nhân văn rất phong phú. Trong đó lễ hội Vật cầu Kim Sơn là một lễ hội đặc sắc, có giá trị nhưng lại chưa được đưa vào khai thác cho hoạt động phát triển du lịch. Vấn đề đặt ra cho người nghiên cứu là giới thiệu những nét đặc sắc của lễ hội tới mọi người và đưa ra các giải pháp khai thác hợp lý có ý nghĩa đóng góp cho việc phát triển du lịch của địa phương.

Lễ hội không chỉ có ý nghĩa trong đời sống của người dân địa phương mà còn là nơi nuôi dưỡng và bảo tồn nét đẹp văn hóa truyền thống. Việc đưa lễ hội vật cầu Kim Sơn vào khai thác phục vụ cho hoạt động du lịch sẽ đem lại nguồn lợi lớn cho kinh tế địa phương, bảo tồn nét đẹp trong văn hóa của dân tộc Việt. Tuy nhiên lễ hội vật cầu Kim Sơn vẫn chưa được khai thác một cách hợp lý, vẫn chưa được nhiều người biết đến, công tác quảng cáo tiếp thị cho lễ hội còn nhiều hạn chế và chưa được đầu tư kỹ lưỡng.

Vì vậy bài khóa luận này phần nào giúp cho người đọc có thể hiểu rõ về những giá trị đặc sắc của lễ hội, thấy được lợi ích kinh tế và những lợi ích khác khi đưa lễ hội vào phục vụ phát triển du lịch, để ban quản lý thấy những thiếu sót của địa phương để từ đó có được những giải pháp hợp lý, khai thác có hiệu quả. Những đề xuất nêu trên cũng chỉ là những suy nghĩ ban đầu dựa trên thực tế và những tri thức khoa học tích lũy được, cần bổ sung cho những giải pháp này và triển khai trong thực tế. Người nghiên cứu rất mong những đề xuất của mình có thể được xem xét và thực hiện.

Bài khóa luận là công trình nghiên cứu của sinh viên khóa cuối nên vẫn còn nhiều thiếu sót. Em mong nhận được sự đóng góp ý kiến và chỉ bảo của thầy cô, những nhà quản lý, nhà khoa học... Em xin chân thành cảm ơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Mai Thanh Hải, Địa chí tôn giáo lễ hội Việt Nam, NXB Văn hóa thông tin, 2008.
2. Luật du lịch Việt Nam, NXB Chính trị Quốc gia
3. Trần Ngọc Thêm, Cơ sở văn hóa Việt Nam,
4. Bài văn tế, Phòng văn hóa xã Tân Trào – Kiến Thụy – Hải Phòng.
5. Ths. Lê Thanh Tùng, Luận văn thạc sĩ Văn hóa học, 2008
6. Trần Đức Thanh, Nhập môn khoa học du lịch, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội, 2000.
7. Bùi Thị Hải Yến, Tài nguyên du lịch, NXB Giáo dục, 2005.
8. Trang web: google.com

PHỤ LỤC
MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ LỄ HỘI VẬT CẦU KIM SƠN



Hình ảnh rước quả cầu tượng trưng trong ngày hội vật cầu



Hình ảnh các giai cầu đưa cầu về lỗ cầu cái



Hình ảnh thi đấu của các giai cầu tranh đấu trong cuộc thi



Đình làng Kim Sơn



Tượng đài Kim Sơn kháng Nhật